

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG
LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, cuộc chạy đua phát triển kinh tế tạo ra những điều kiện để kinh tế tăng trưởng nhanh, lâu bền là mối quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia. Đối với những nước đi sau có điểm xuất phát thấp, vấn đề được đặt ra như một đòi hỏi sống còn: hoặc đuổi kịp và vượt lên trước, hoặc là tụt lại đằng sau và ngày càng rời xa cơ hội phát triển.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đẩy mạnh Công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước đồng thời thực hiện các mục tiêu về kinh tế tăng trưởng cao bền vững và có hiệu quả. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, các đơn vị sản xuất và kinh doanh có vị trí vai trò quan trọng trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ, thúc đẩy sản xuất phát triển và phục vụ tốt nhu cầu tiêu thụ của nhân dân.

Phát triển một nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một nền kinh tế hàng hoá năng động và tăng trưởng, hoà nhập với nền kinh tế thế giới là mục tiêu và cũng là con đường mà Đảng và Nhà nước ta đã tiến đến. Trong lịch sử phát triển của loài người, sản xuất chiếm một vai trò cực kỳ quan trọng, nó tạo ra của cải vật chất, là một trong những điều kiện để loài người tồn tại và phát triển

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích phục vụ tốt hơn cuộc sống con người. Vì vậy, họ không ngừng đặt câu hỏi làm cách nào để thu được lợi nhuận và không ngừng nâng cao lợi nhuận cũng như để đứng vững trong thị trường đầy cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp quan trọng mà các doanh nghiệp quan tâm đến đó là không ngừng tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Để thực hiện điều này, các doanh nghiệp cần phải tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những công cụ sắc bén để quản lý kinh tế. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một

doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hoàng Vinh”

Đối tượng nghiên cứu đề tài: Chuyên đề tập trung nghiên cứu quá trình hạch toán các nghiệp vụ

1. Hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá
2. Hạch toán các chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hoá
3. Xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá tại công ty

Mục đích nghiên cứu: Chuyên đề được thực hiện nhằm mục đích nghiên cứu những điểm hợp lý và bất hợp lý trong quá trình hạch toán nghiệp vụ bán hàng tại Công ty cổ phần Hoàng Vinh. Từ đó đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác hạch toán trong điều kiện hiện nay của Công ty.

Chuyên đề gồm 3 phần sau:

Phần 1: Những vấn đề lý luận chung về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

Phần 2: Công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hoàng Vinh

Phần 3: Một số biện pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hoàng Vinh

Trong quá trình thực tập, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô các chú, các anh chị phòng kế toán và thầy giáo CN.Nguyễn Văn Vĩnh . Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên luận văn của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN 1:**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU,
CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH****1.1 Một vài nét về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.****1.1.1 Về Doanh thu****1.1.1.1 Khái niệm**

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

1.1.1.2. Vai trò, vị trí của doanh thu trong các doanh nghiệp

- Doanh thu là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải số vốn đã bỏ ra như chi phí về tiền lương, tiền thưởng cho người lao động; chi phí nguyên vật liệu đầu vào và thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước như nộp thuế thu nhập doanh nghiệp...Đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn đồng thời mở rộng sản xuất, tăng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con

- Doanh thu là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức tăng sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp.

- Doanh thu cao nghĩa là quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tốt góp phần làm tăng tốc độ chu chuyển vốn làm cho đồng vốn kinh doanh không bị ứ đọng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

- Cuối cùng nếu doanh thu của doanh nghiệp không đủ để trang trải những khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ khó khăn về tài chính, nếu tình trạng này kéo dài

1.1.1.3 Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu

a. Các loại doanh thu

Doanh thu bán hàng: Là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hoá đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ dịch vụ

Các phương thức bán hàng:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu

- Phương thức gửi hàng: Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp

- Phương thức bán thông qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

- Phương thức bán hàng trả góp: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

- Phương thức bán hàng trả chậm: Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền

nhập quỹ

- Phương thức bán hàng đổi hàng: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

$$\text{Doanh thu sản phẩm đem trao đổi} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi}}{\text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi}} * \text{Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi}$$

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

b. Các phương pháp xác định doanh thu

- Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

- Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu)

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công

Doanh thu bán hàng sẽ được ghi nhận khi tất cả các điều kiện sau được thoả mãn:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền lợi sở hữu sản phẩm hàng hoá

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như là người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá

- Giá trị các khoản doanh thu được xác định một cách chắc chắn

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

1.1.1.4 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết nhưng không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại

- Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp: Thuế GTGT, thuế XK, thuế TTĐB là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó.

1.1.2. Về chi phí

1.1.2.1. Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

1.1.2.2. Vai trò, vị trí của chi phí trong các doanh nghiệp

Chi phí đóng vai trò quan trọng nhất trong các doanh nghiệp. Chi phí giảm thì lợi nhuận sẽ tăng. Vì vậy việc giảm chi phí một cách hợp lý là nhiệm vụ sống còn đối với mỗi doanh nghiệp.

1.1.2.3. Các loại chi phí

a. Chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh: bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

❖ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản tính theo lương (khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ).

- Chi phí vật liệu, bao bì: Là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vật liệu để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hóa

- Chi phí dụng cụ đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý...

- Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa...

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Theo quy định hiện hành, chi phí quản lý doanh nghiệp chia ra các khoản chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định

- Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn...

- Thuế phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà...

- Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác...

b. Chi phí hoạt động tài chính

Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

c. Chi phí hoạt động khác: gồm chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

* Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí khác

* Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

1.1.2.4 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ

Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư,...)

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

1.1.2.5 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh các ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG
thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.

- Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo tài chính.

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng

1.2.1.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511)

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

**** Cách xác định và ghi nhận doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu)

Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng theo hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

Trường hợp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh bằng ngoại tệ, thì ngoài việc ghi sổ kế toán chi tiết số nguyên tệ đã thu hoặc phải thu, kế toán phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán để hạch toán vào Tài khoản 511

Một số trường hợp không được hạch toán vào Tài khoản 511:

- Trị giá hàng hoá, vật tư, bán thành phẩm xuất kho giao cho bên ngoài gia công chế biến.
- Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa công ty, Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc
- Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho nhau giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên
- Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán, dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được xác định là đã bán
- Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (chưa được xác định là đã bán)
- Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT; hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi;
- Thẻ quầy hàng;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng; bảng sao kê của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu xuất kho...

*** Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 511:****Bên nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 có 5 tiểu tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm.
- + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản

1.2.1.1.2. Doanh thu bán hàng nội bộ (TK 512)

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của công ty, Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Kết quả kinh doanh của công ty, Tổng công ty bao gồm kết quả phần bán hàng nội bộ và bán hàng ra bên ngoài. Tổng công ty, công ty và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo các luật thuế quy định trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ ra bên ngoài và tiêu thụ nội bộ.

*** Kết cấu và nội dung của TK 512:****Bên nợ:**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911

Bên có:

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 512 không có số dư đầu kỳ

Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hóa.
- + Tài khoản 5121: Doanh thu bán các thành phẩm.
- + Tài khoản 5121: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1.3. Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**- Tài khoản sử dụng:**

- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + TK 512: Doanh thu nội bộ
- + TK 521: Chiết khấu thương mại
- + TK 531: Giảm giá hàng bán
- + TK 532: Hàng bán bị trả lại
- + TK 3331: Thuế GTGT phải nộp
- + TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
- + TK 3333: Thuế xuất khẩu
- + TK 3387: Doanh thu chưa thực hiện

Và các tài khoản liên quan khác như: TK 111, 112, 131...

* TK 511: Phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ hạch toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ

* TK 512: Phản ánh doanh thu của số hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng 1 công ty, hạch toán ngành

* TK 3387: Phản ánh số tiền nhận trước nhiều năm cho thuê tài sản, khoản chênh lệch giữa hàng bán trả chậm, trả góp với hàng bán trả ngay, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ

* TK 3331 – chi tiết TK 33311 - thuế GTGT đầu ra: Áp dụng cho doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ và phương pháp trực tiếp

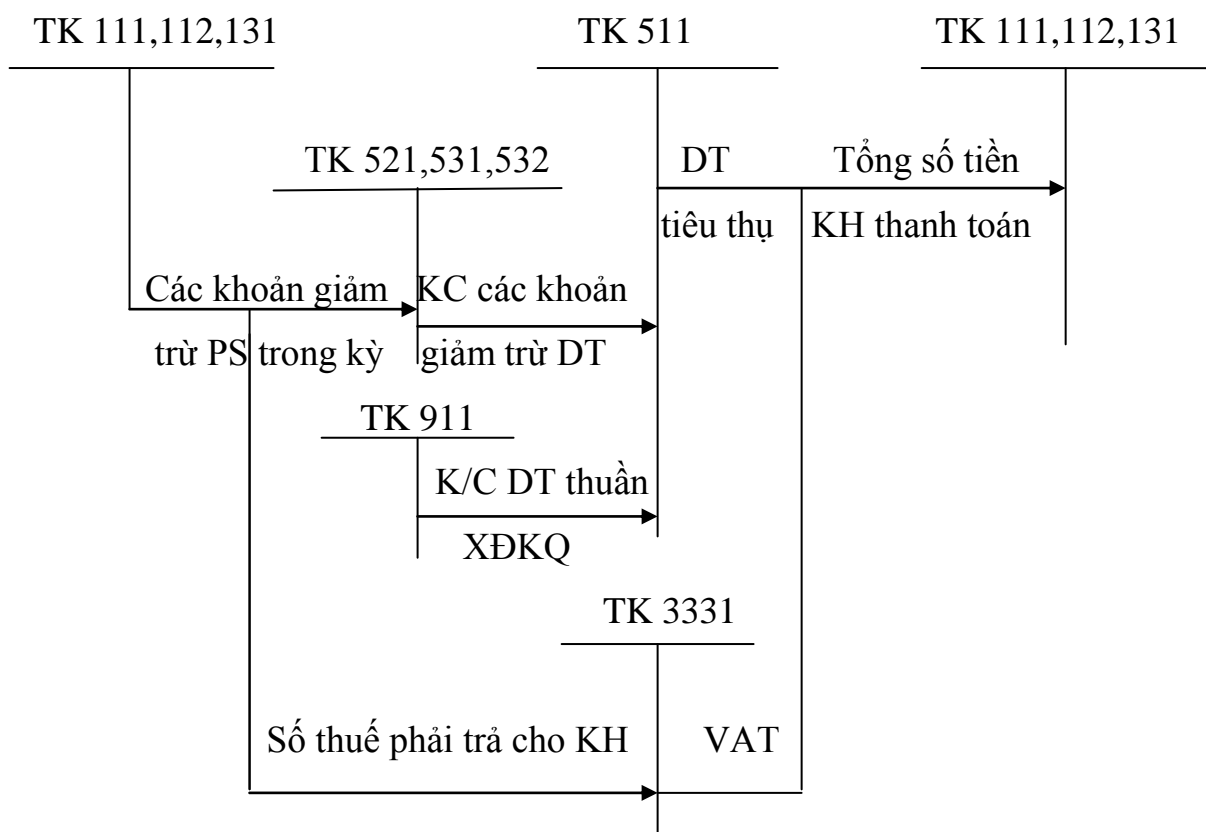
- Trình tự kế toán: Do có nhiều công thức bán hàng khác nhau nên việc hạch toán doanh thu từng trường hợp bán hàng cũng khác nhau

1.2.1.1.4. Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ **TH 1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp:**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

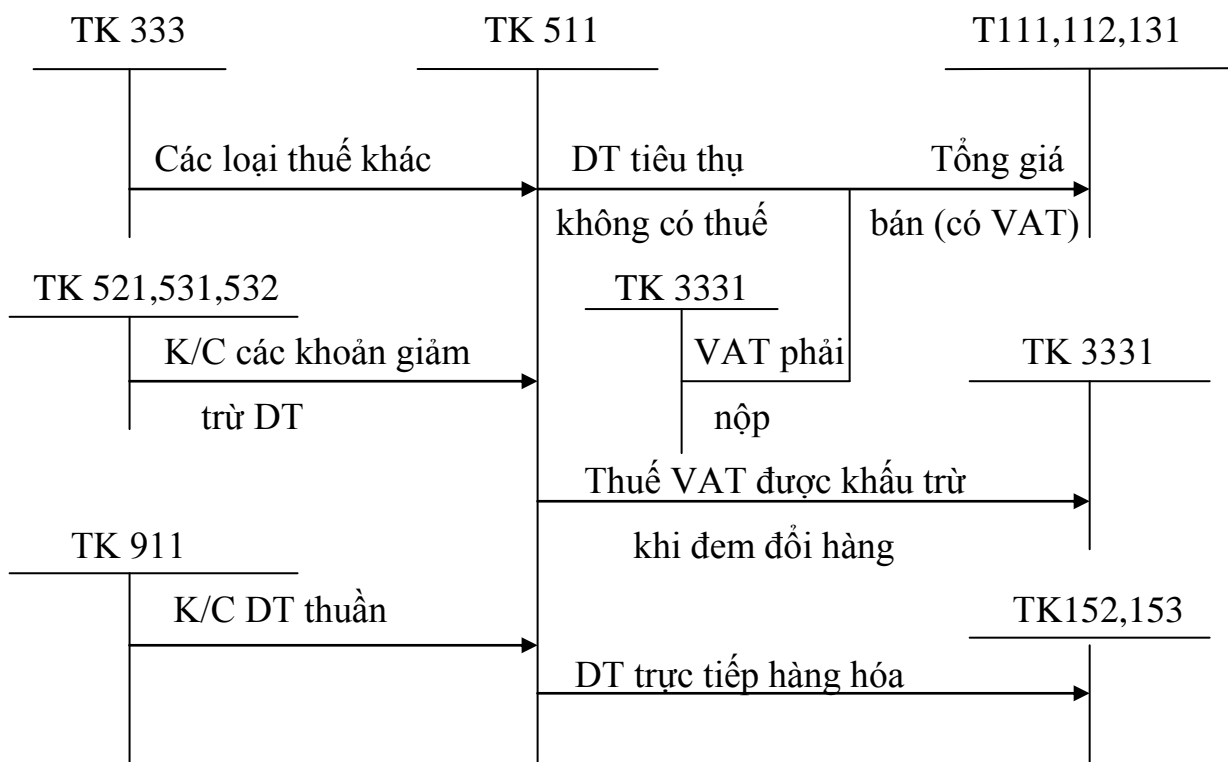
Sơ đồ 1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



❖ TH2: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng theo hợp đồng

Theo phương thức này bên bán chuyển nhượng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng ,số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán 1 phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu

Sơ đồ 2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận



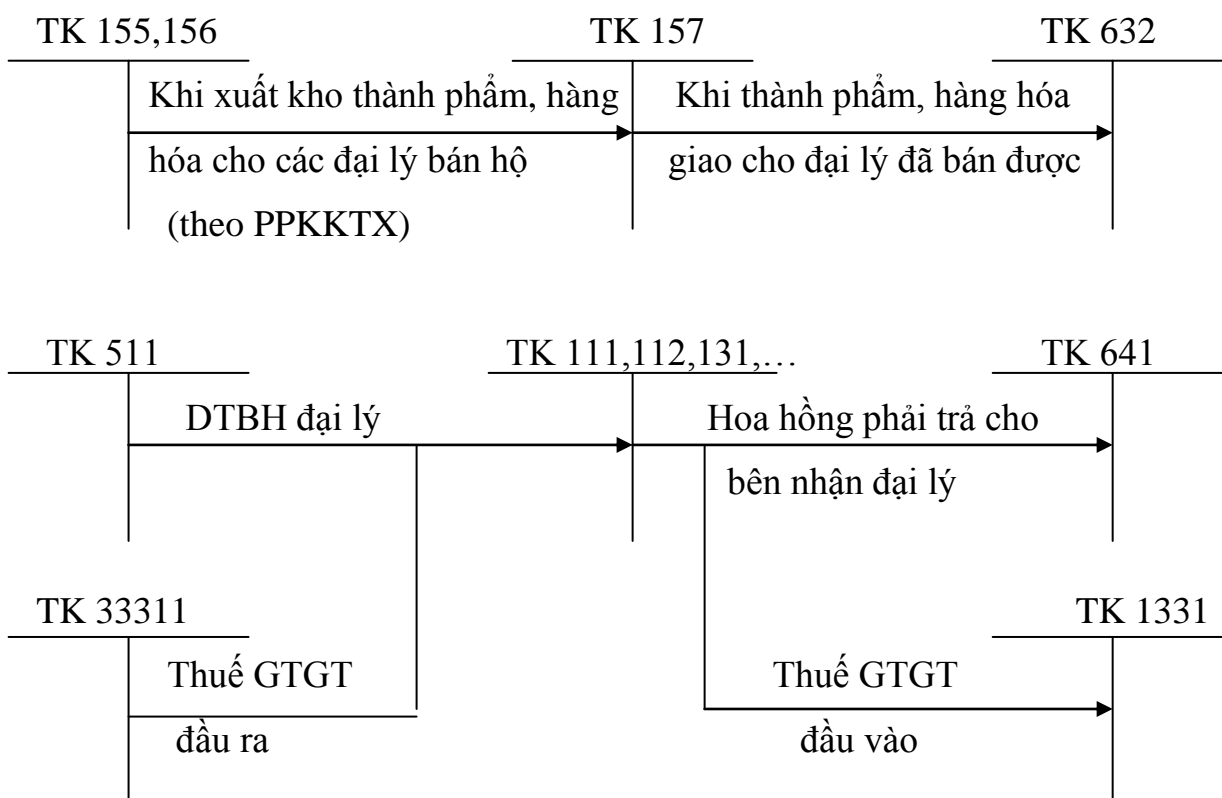
❖ TH 3: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 641.

- Đối với bên nhận đại lý: Với số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

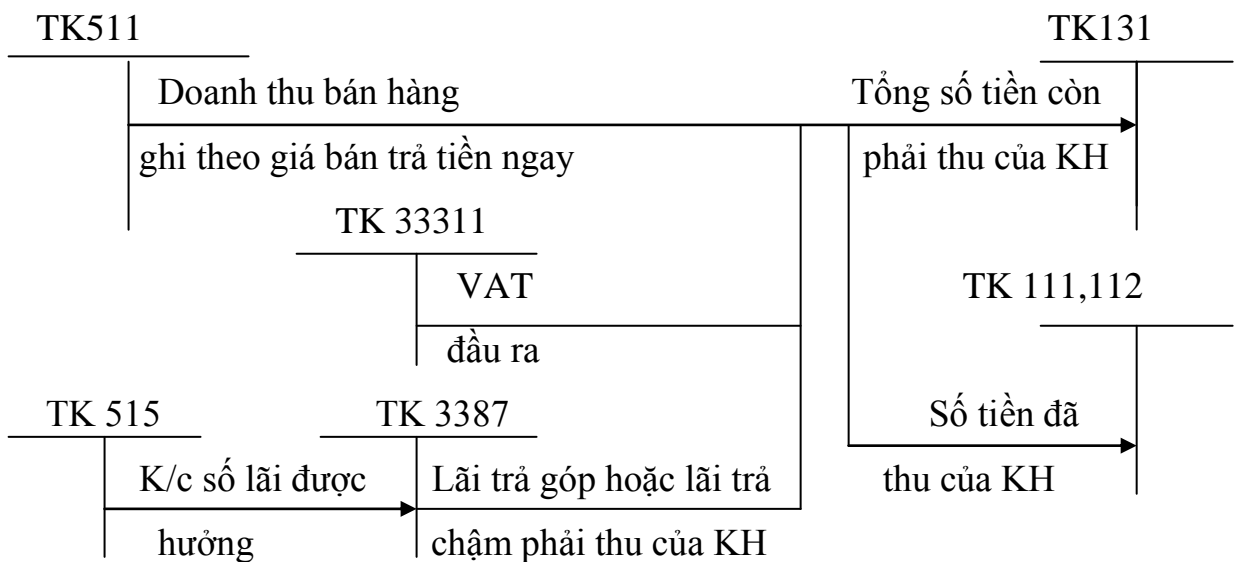
Sơ đồ 3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng



❖ TH 4: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

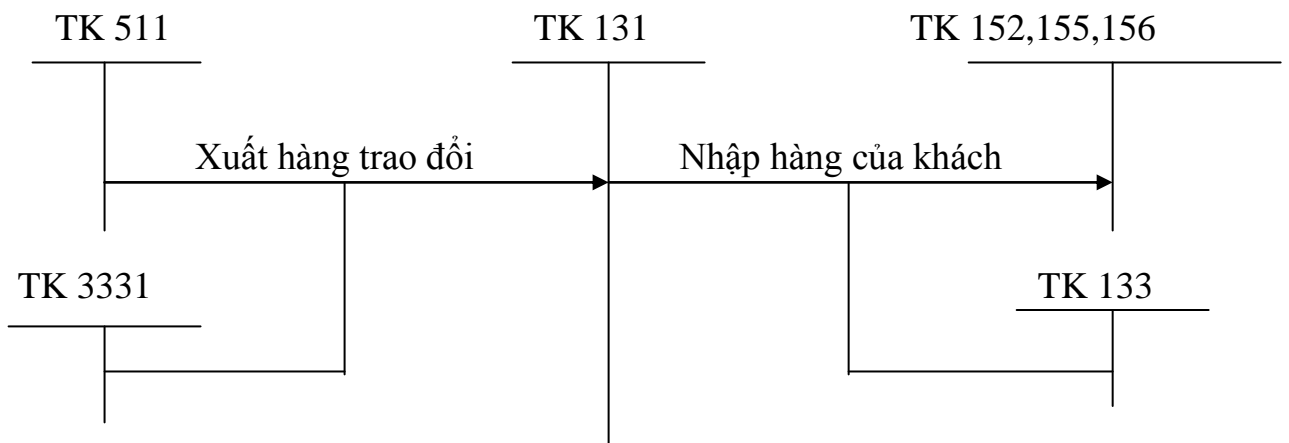
Sơ đồ 4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm



❖ **TH 5: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng không tương tự.**

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

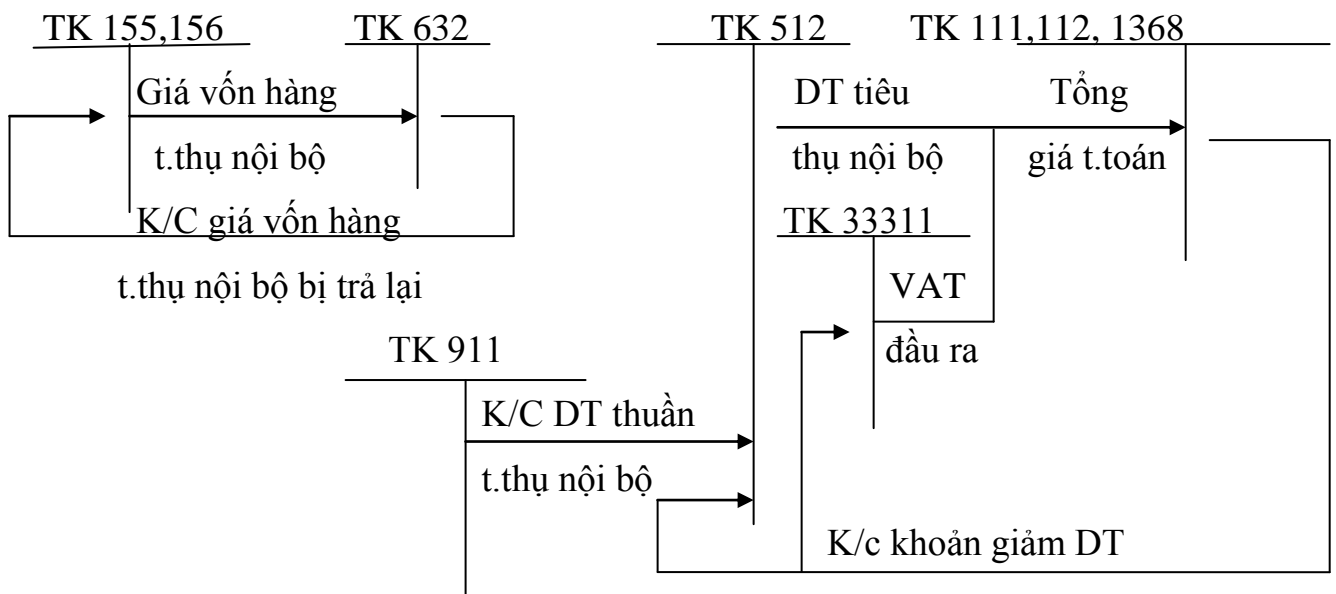
Sơ đồ 5: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng không tương tự



❖ TH 6: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ

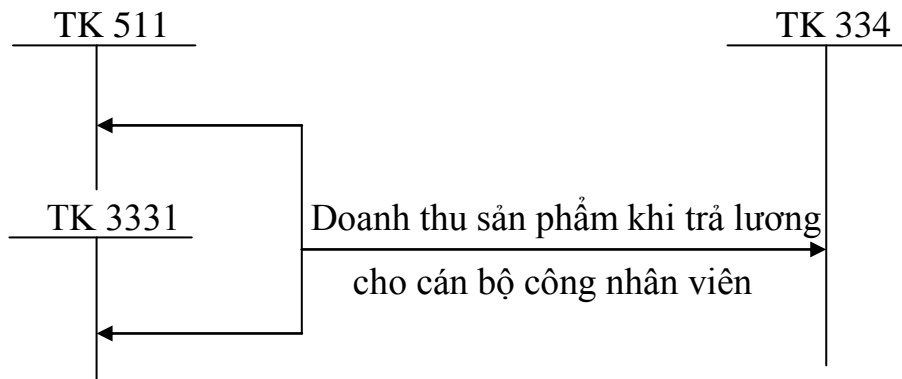
Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty, tổng công ty...

Sơ đồ 6: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



- ❖ **TH7:** Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm hàng hoá để trả lương cho cán bộ công nhân viên thì kế toán hạch toán như sau

Sơ đồ 7:



Đến cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả. Đồng thời phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra phải nộp

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**a. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

Bên nợ: Số chiết khấu thương mại đã thanh toán cho khách hàng.

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

TK 521 không có số dư cuối kỳ và gồm 3 tài khoản cấp 2

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá

TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531 “hàng bán bị trả lại”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào số phải thu của khách hàng về số sản phẩm.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ .

Tài khoản 532 “giảm giá hàng bán”: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng, do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ .

- Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu sử dụng tài khoản sau:

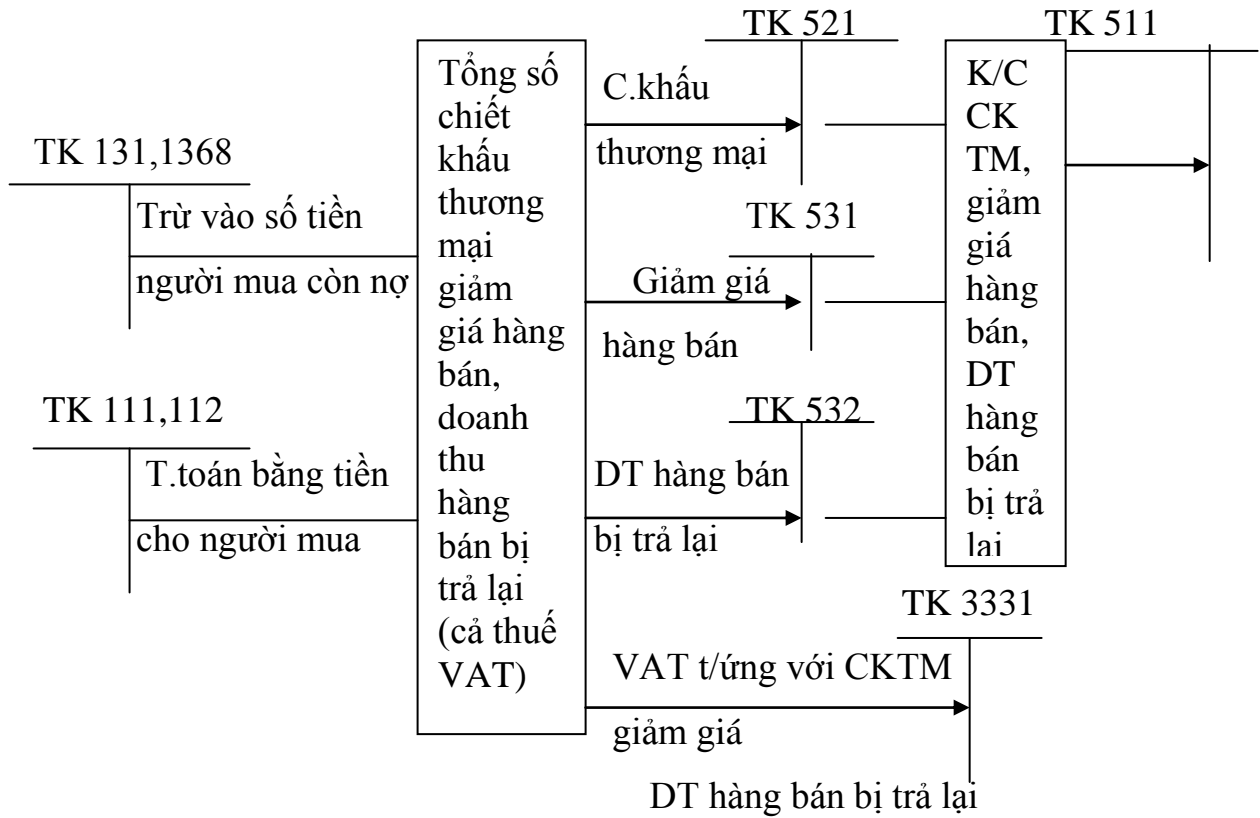
+ Tài khoản 3332: thuế tiêu thụ đặc biệt

+ Tài khoản 3333: thuế xuất, nhập khẩu

b. Trình tự hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

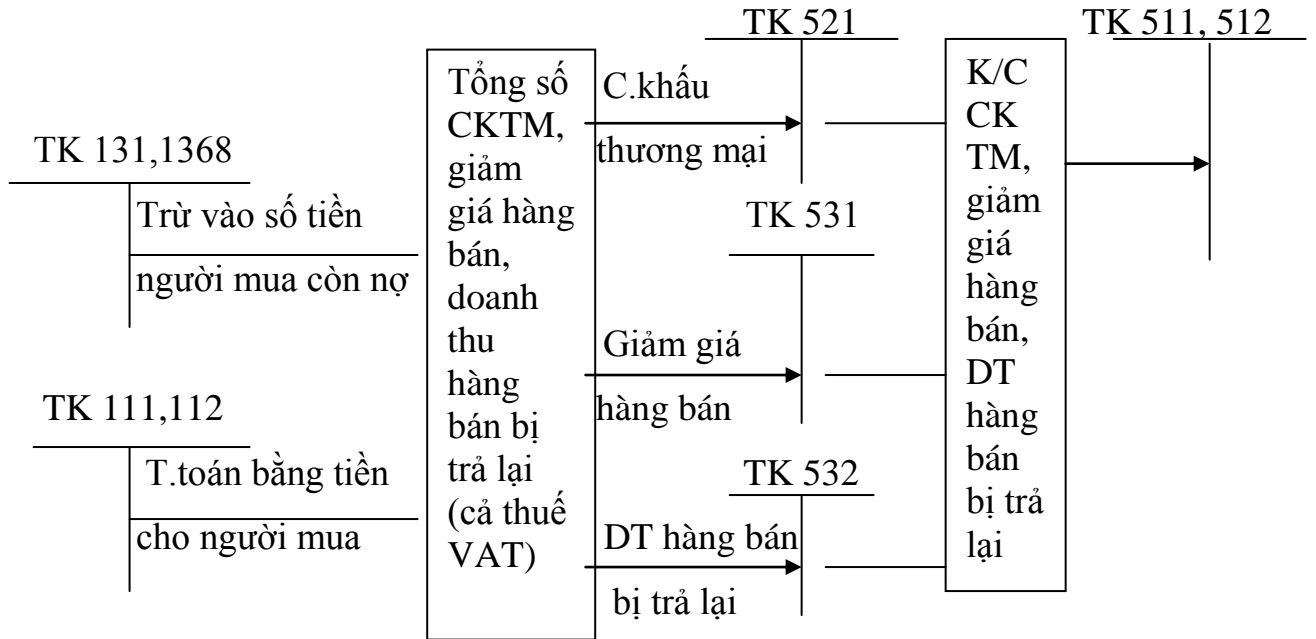
Sơ đồ 8: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

(Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



Sơ đồ 9: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

(Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



1.2.2. Kế toán chi phí tại các doanh nghiệp**1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán****1.2.2.1.1 Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán****a. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKT – 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02/GTTT – 3LL)

b. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng bán được sử dụng để xác định kết quả kinh doanh là toàn bộ chi phí kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng, bao gồm: Trị giá vốn hàng xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

*** Phương pháp tính theo giá đích danh**

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

* Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân}}$$

+ Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+ Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế hàng hóa tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn sau lần nhập } i}$$

* Phương pháp nhập trước - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

* Phương pháp nhập sau - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho

được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

c. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng các TK chủ yếu sau:

+ TK 155 – Thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp.

+ TK 156 – Hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại kho, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

TK 156 có 3 tài khoản cấp 2

TK 1561 – Giá mua hàng hóa

TK 1562 – Chi phí thu mua hàng hóa

TK 1567 – Hàng hóa bất động sản

+ TK 157 – Hàng gửi bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi cho khách hàng hoặc nhờ bán đại lý, ký gửi; hàng hóa, sản phẩm chuyển cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc để bán; trị giá dịch vụ đã hoàn thành, bàn giao cho người đặt hàng nhưng chưa được chấp nhận thanh toán. Tài khoản này được dùng cho tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi lĩnh vực.

+ TK 611 – Mua hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

TK 611 chỉ áp dụng đối với DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

TK 611 không có số dư và có 2 TK chi tiết cấp 2

TK 6111 – Mua nguyên liệu, vật liệu

TK 6112 – Mua hàng hóa

+ TK 632 – Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

Ngoài ra, TK này còn phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc

chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

❖ Nội dung và kết cấu tài khoản:

Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” phản ánh trị giá vốn của hàng hoá, sản phẩm đã được xuất bán trong kỳ.

Bên nợ:

- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.
- Các khoản khác được tính vào trị giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Sổ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

Bên có:

- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ.
- Kết chuyển giá vốn hàng hóa vào bên nợ tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển giá vốn của hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

Tài khoản 632 không có số dư

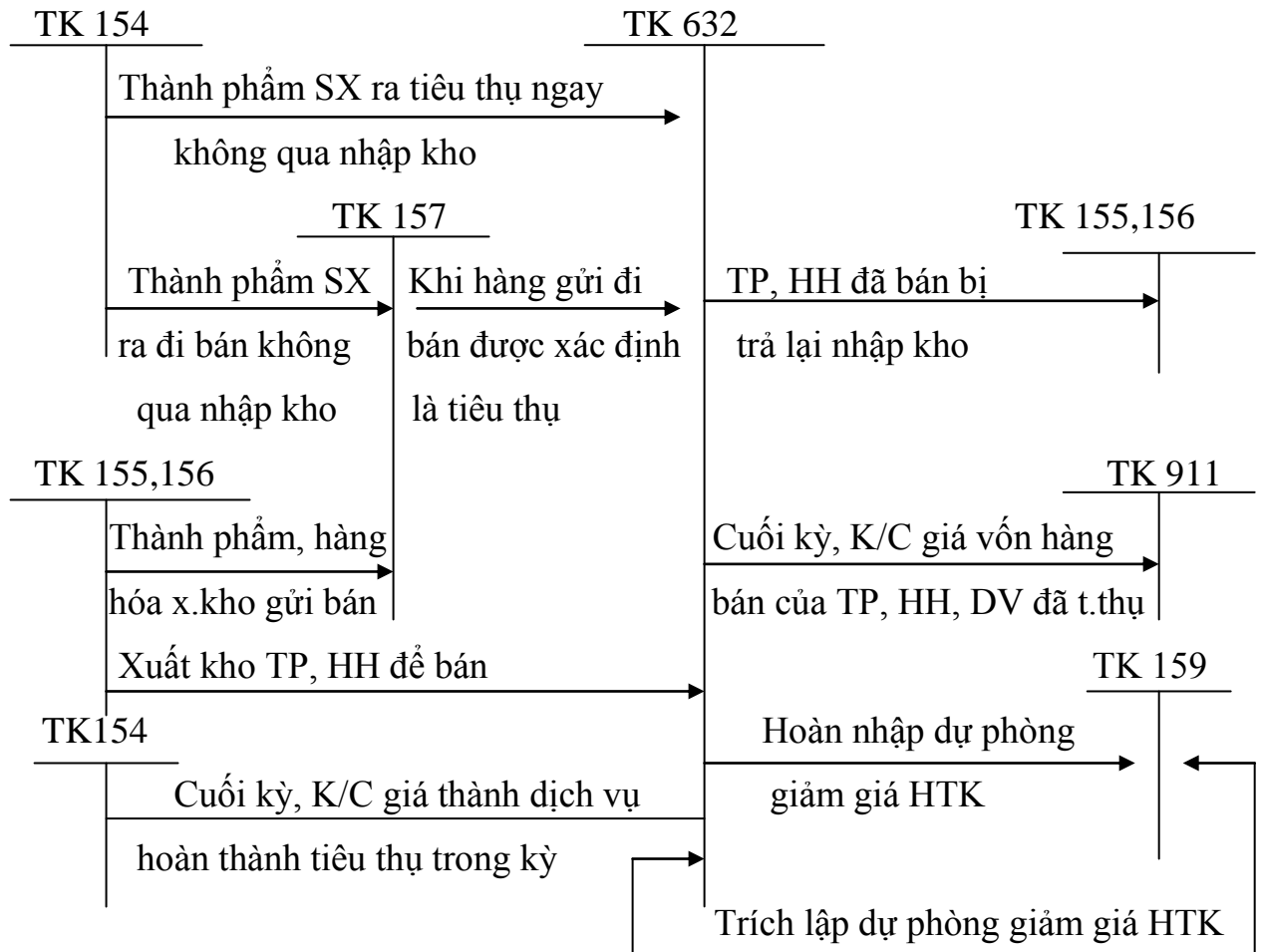
1.2.2.1.2. Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán

* Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (KCTX)

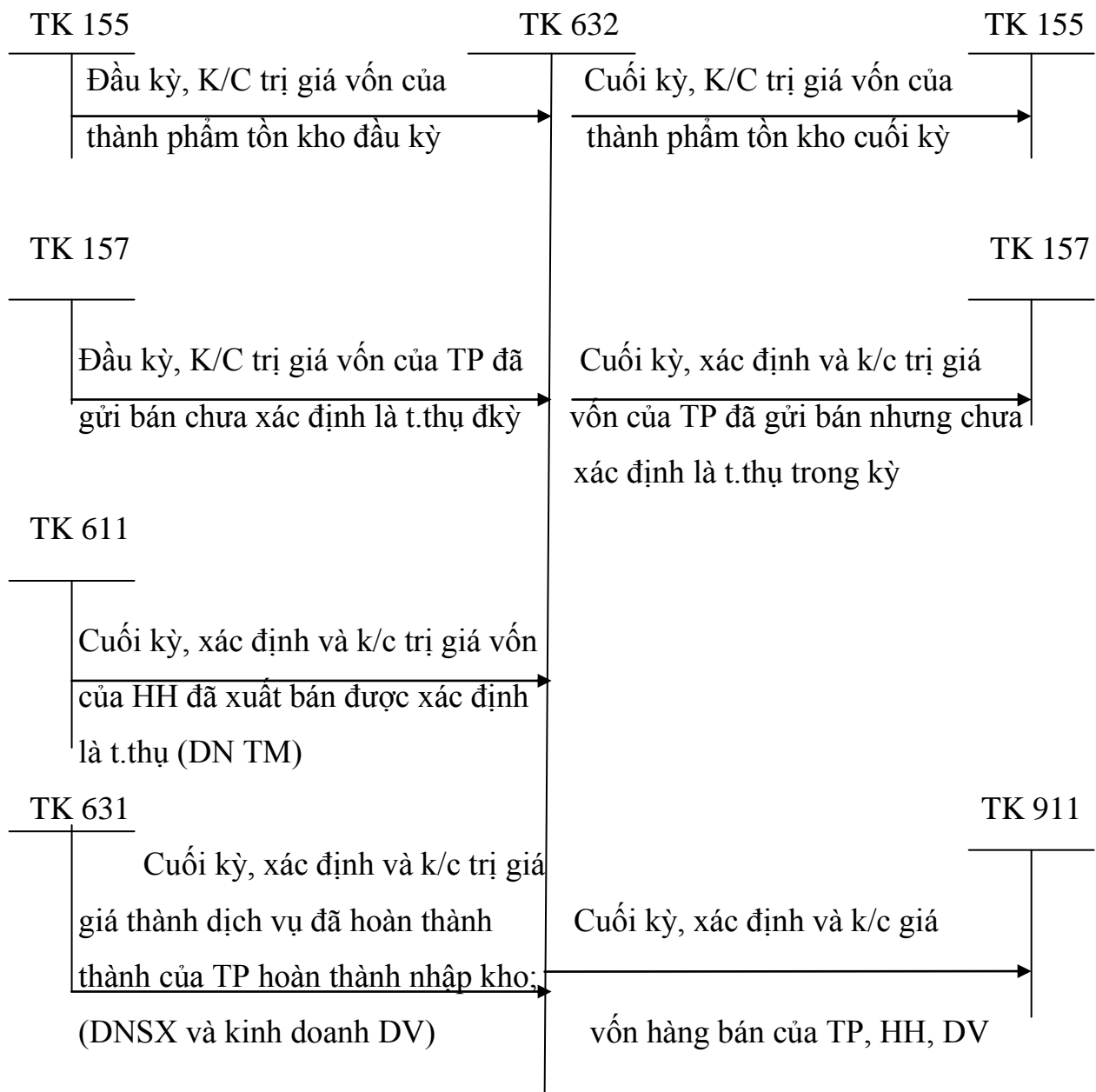
Phương pháp KCTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên. Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 10: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



Sơ đồ 11: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng & chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.2.2.1 Kế toán chi tiết chi phí bán hàng

1. Chi phí bán hàng

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hàng sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kế toán tập hợp đến cuối kỳ để thực hiện kết chuyển hoặc phân bổ xác định kết quả kinh doanh. Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp, cuối kỳ sản xuất kinh doanh và tùy thuộc vào doanh thu tiêu thụ trong kỳ để kế toán kết chuyển hoặc phân bổ chi phí bán hàng

Bên nợ: Các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa ,dịch vụ

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

Tài khoản 641 không có số dư và gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên
- + Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- + Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành
- + Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác

Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 641 có thể được mở thêm một số nội dung chi phí. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào bên Nợ tài khoản 911.

Các chứng từ sổ sách ghi chép:

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị tạm thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, séc thanh toán, uỷ nhiệm chi...

- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảo hiểm xã hội.
- Bảng trích khấu hao.

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 641.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ được căn cứ vào mức độ (quy mô) phát sinh chi phí, vào doanh thu bán hàng ghi và vào chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp sao cho bảo đảm nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu. Trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ lớn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào tài khoản 142 (1422- Chi phí chờ kết chuyển). Số chi phí này sẽ được kết chuyển, một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau khi có doanh thu.

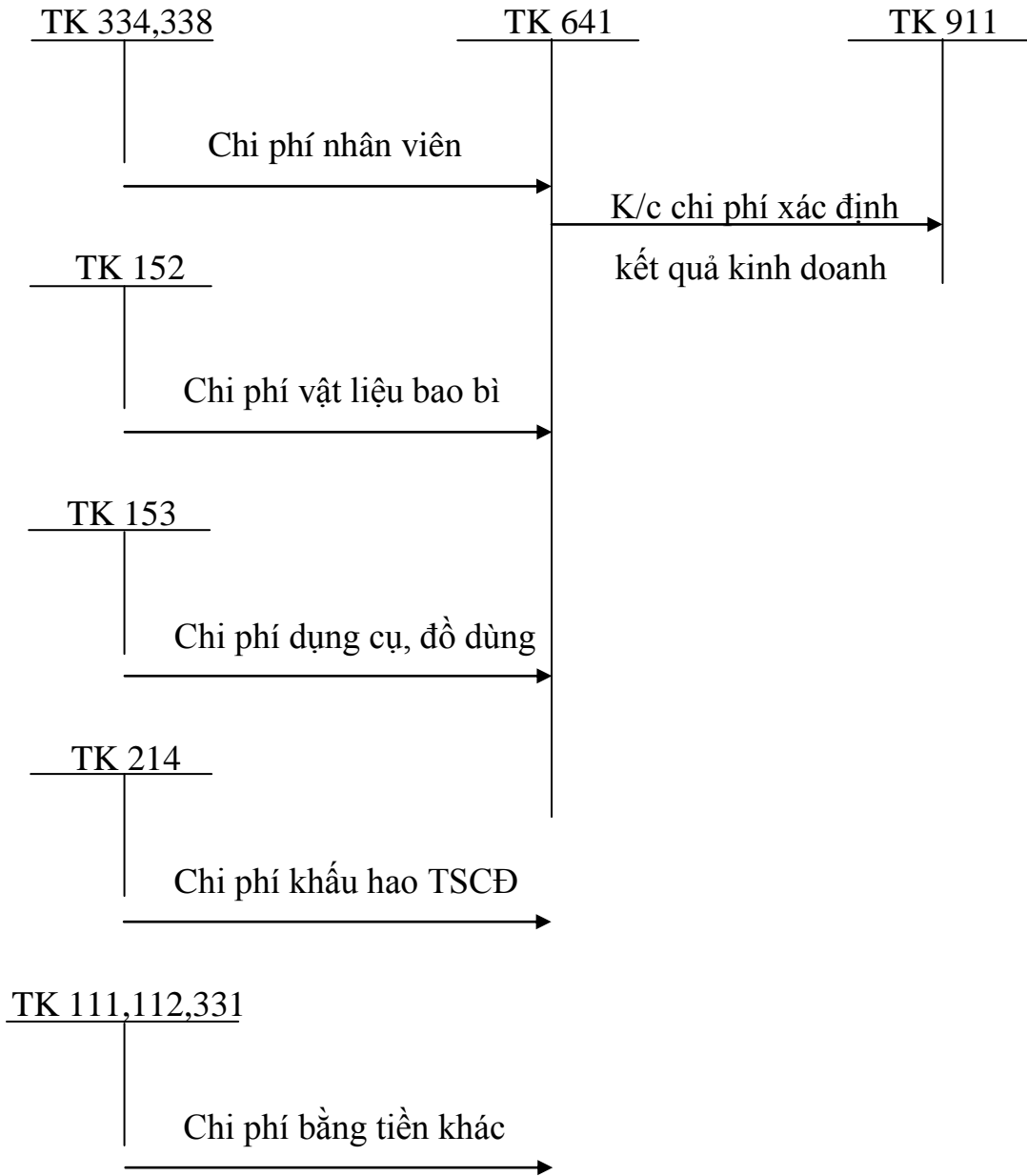
Công thức phân bổ:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí BH phân} \\
 \text{bổ cho hàng còn} \\
 \text{lại cuối kỳ}
 \end{array}
 = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí BH chưa} \\ \text{phân bổ đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí BH phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng xuất} \\ \text{trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá hàng còn} \\ \text{lại cuối kỳ} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{hàng còn} \\ \text{lại cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí BH phân bổ} \\
 \text{cho hàng đã bán}
 \end{array}
 = \begin{array}{l} \text{Chi phí BH} \\ \text{chưa phân bổ} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí BH} \\ \text{còn lại cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

* Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 12: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng



1.2.2.2.2. Kế toán chi tiết chi phí quản lý

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp. Tài khoản 642 không có số dư và gồm có các tài khoản cấp 2 sau:

- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên bộ phận quản lý
- + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Tài khoản 6425: Chi phí thuế, phí và lệ phí
- + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng
- + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6428: Chi phí chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 642 có thể được mở thêm một số tài khoản cấp 2 để phản ánh các nội dung chi phí thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các chỉ tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

Các chứng từ sổ sách ghi chép:

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, séc thanh toán, uỷ nhiệm chi...
- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảo hiểm xã hội.
- Bảng trích khấu hao.

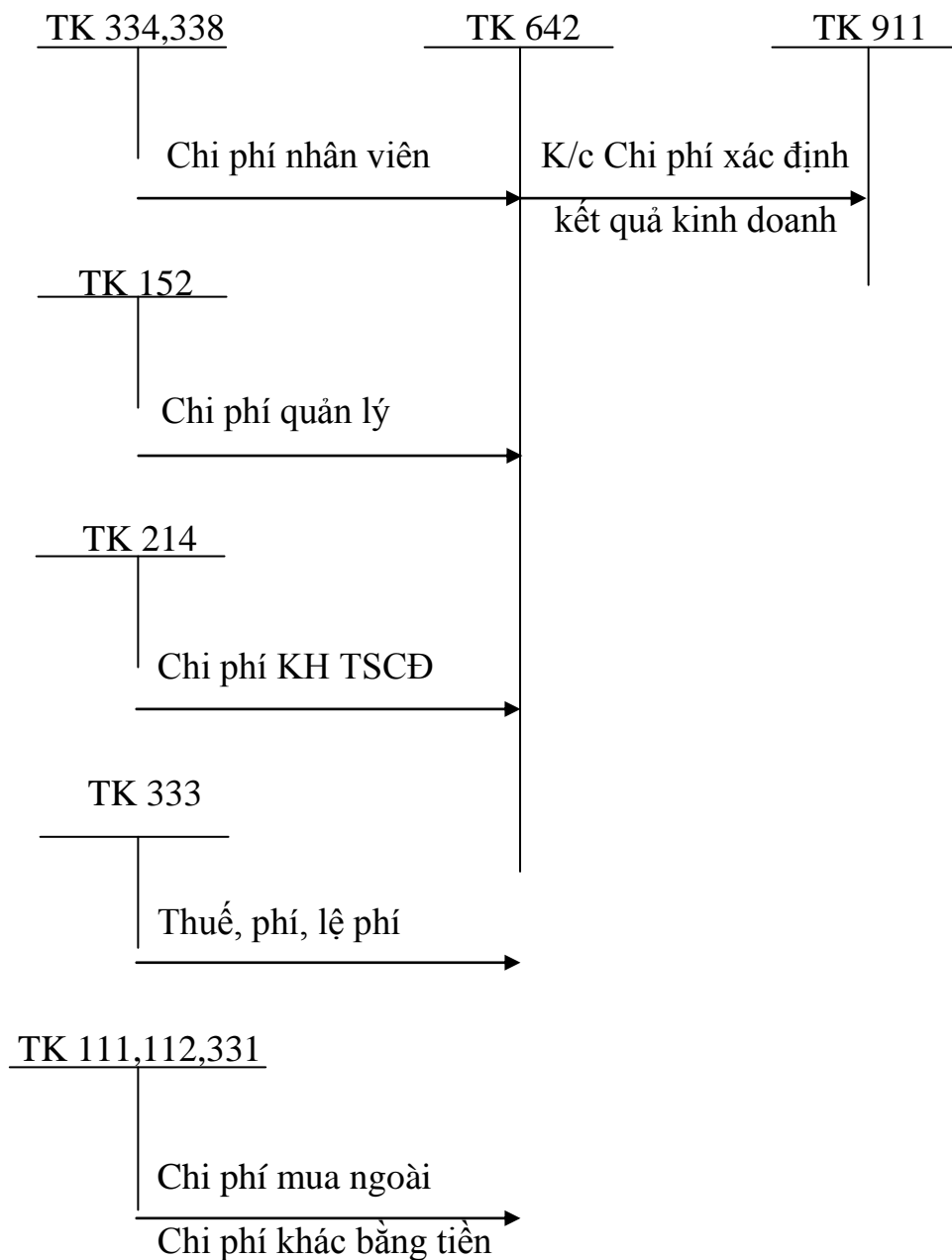
Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 642

Cuối kỳ hạch toán, kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh

trong kỳ sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh. Trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất kinh doanh dài hạn, trong kỳ có ít hoặc không có sản phẩm tiêu thụ, để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, kế toán kết chuyển một phần chi phí quản lý sang tài khoản 142 (1422) để chờ phân bổ trong những kỳ tiếp theo

* Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 13: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.3 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ, báo có của ngân hàng
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các hợp đồng vay vốn
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.2.3.1 Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do bên mua hàng hoá, dịch vụ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác. Doanh thu được ghi nhận vào TK 515 là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

Kết cấu của TK 515**Bên nợ:**

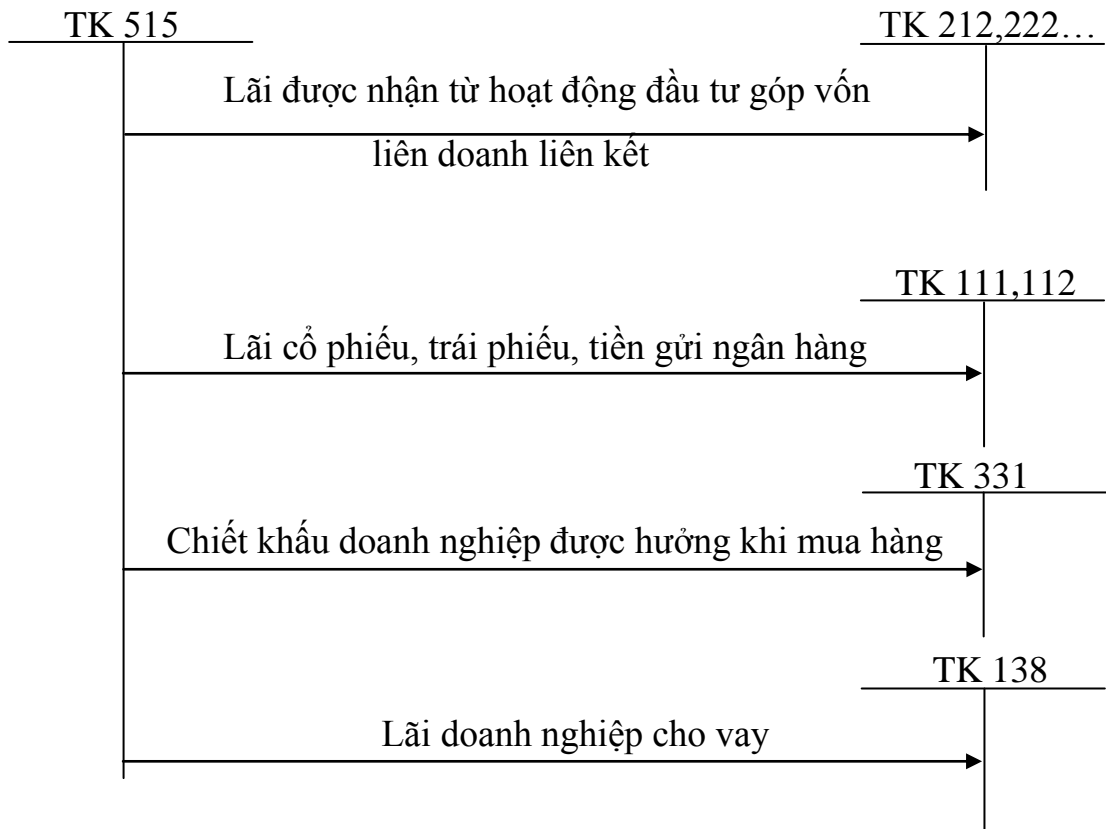
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ

* Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 14: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.2.3.2. Chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí HĐTC bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí kinh doanh bất động sản
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác

- Chi phí tài chính khác

Kết cấu của Tài khoản 635

Bên nợ:

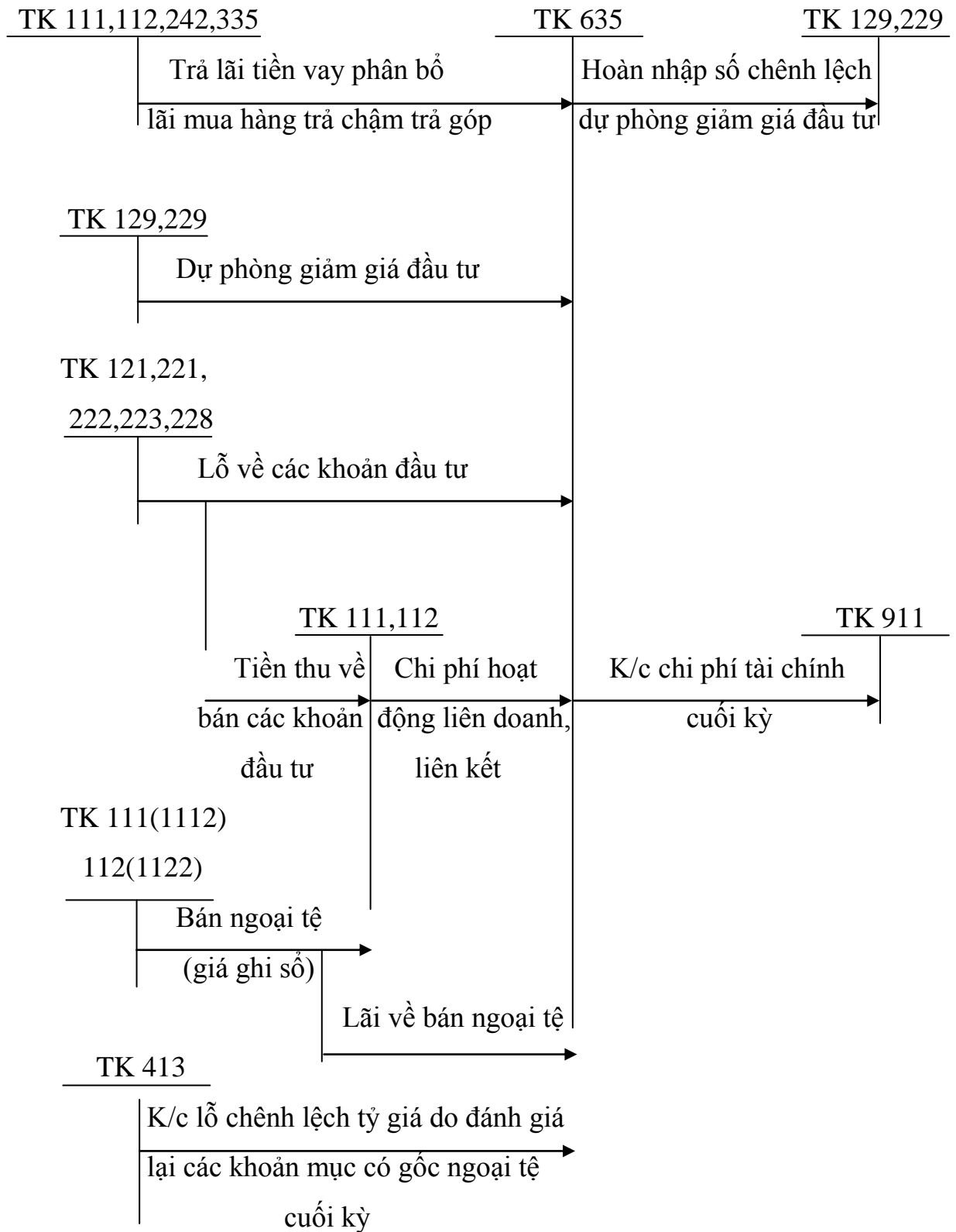
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)
 - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
 - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

* *Trình tự hạch toán:*

Sơ đồ 15: Kế toán chi phí tài chính



1.2.2.4 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

**** Chứng từ sử dụng:***

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

1.22.4.1. Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

Kết cấu của TK 711:

Bên nợ: Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911

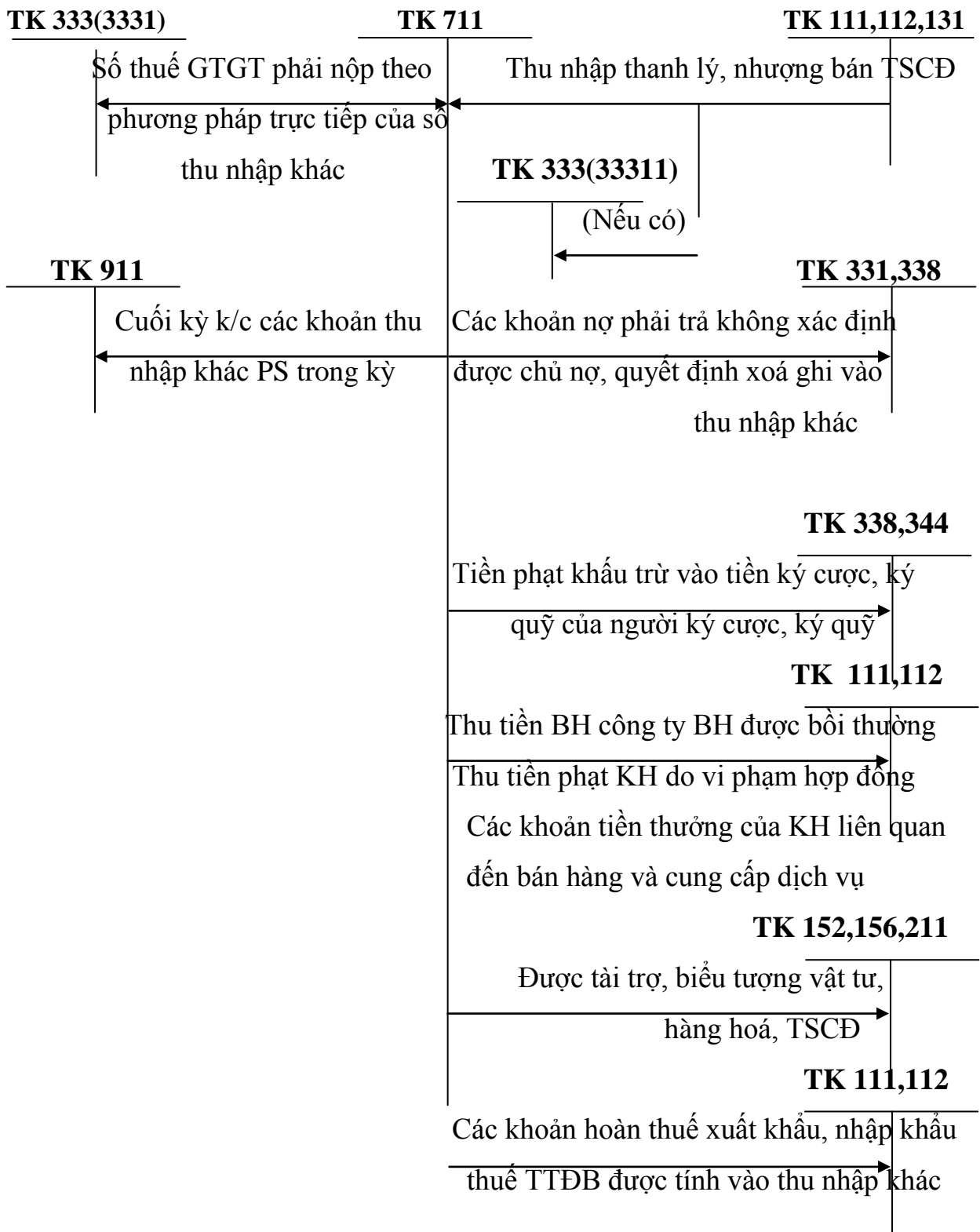
Bên có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư.

* *Trình tự hạch toán:*

Sơ đồ 16 Kế toán thu nhập khác



1.2.2.4.2 Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế

- Các khoản chi phí khác

Kết cấu của Tài khoản 811**Bên nợ:**

Các khoản chi phí khác phát sinh

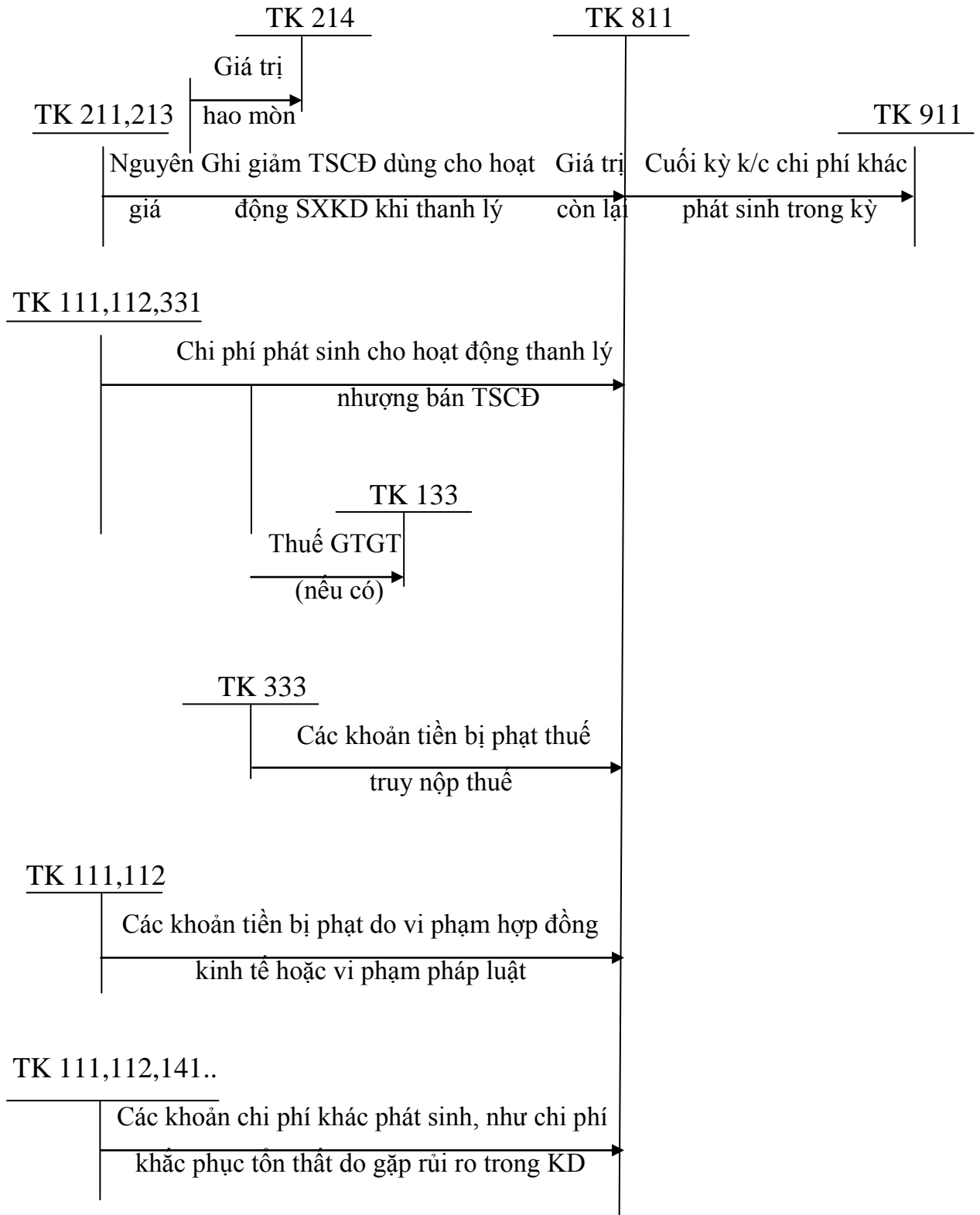
Bên có:

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư.

* *Trình tự hạch toán:*

Sơ đồ 17: Kế toán chi phí khác



1.2.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

❖ Chứng từ sử dụng:

Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh và một số các số liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng:

- **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”** - TK khoản này sử dụng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Nội dung kết cấu tài khoản 911:**Bên nợ:**

- + Trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và CP khác;
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Kết chuyển lãi

Bên có:

- + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư.

- Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	--	---	------------------------------

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán						
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	Chi phí bán hàng
Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác						
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	Lợi nhuận khác						
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối – Tài khoản này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh (lãi, lỗ) và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- + Trích lập các quyx cuar doanh nghiệp;
- + Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- + Bỏ sung nguồn vốn kinh doanh;
- + Nộp lợi nhuận cho cấp trên.

Bên có:

- + Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- + Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù
- + Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

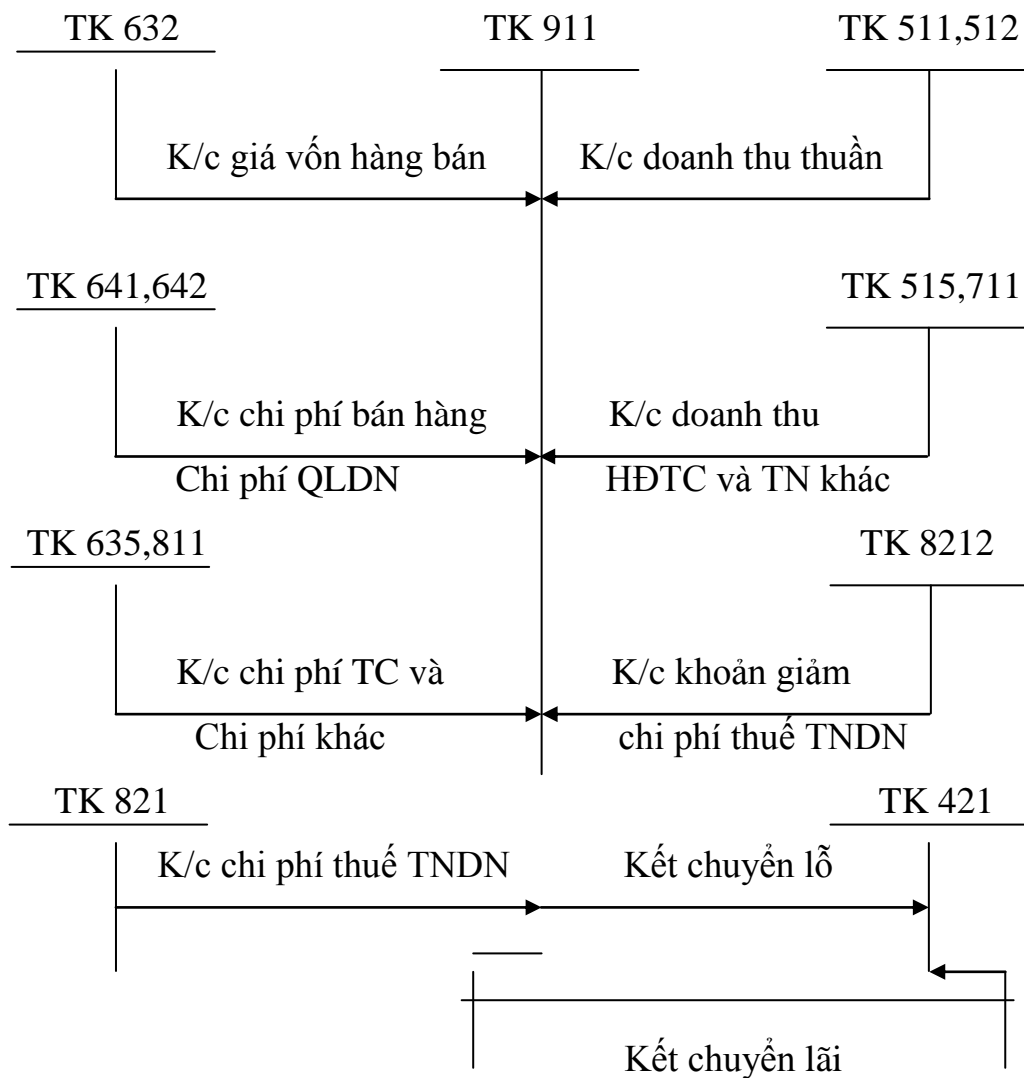
Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

- + Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- + Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

Tài khoản 421 (Lợi nhuận chưa phân phối) có 2 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- + Tài khoản 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

* Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 18: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

- **Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”** – Tài khoản này sử dụng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập chịu} & & \text{DT để tính thu nhập} & & \text{CP hợp lý} & & \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế trong năm} & = & \text{chịu thuế trong năm} & - & \text{trong năm} & + & \text{thuế khác trong} \\ \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{năm tính thuế} \end{array}$$

*** Kết cấu và nội dung tài khoản 821:**

Bên nợ:

+ Chi phí thuế thu nhập hiện hành phát sinh trong năm;
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp nhưng do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);

+ Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);

+ Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8218- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm thời phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;

nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;

+ Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

+ Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”;

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 821- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư đầu kỳ

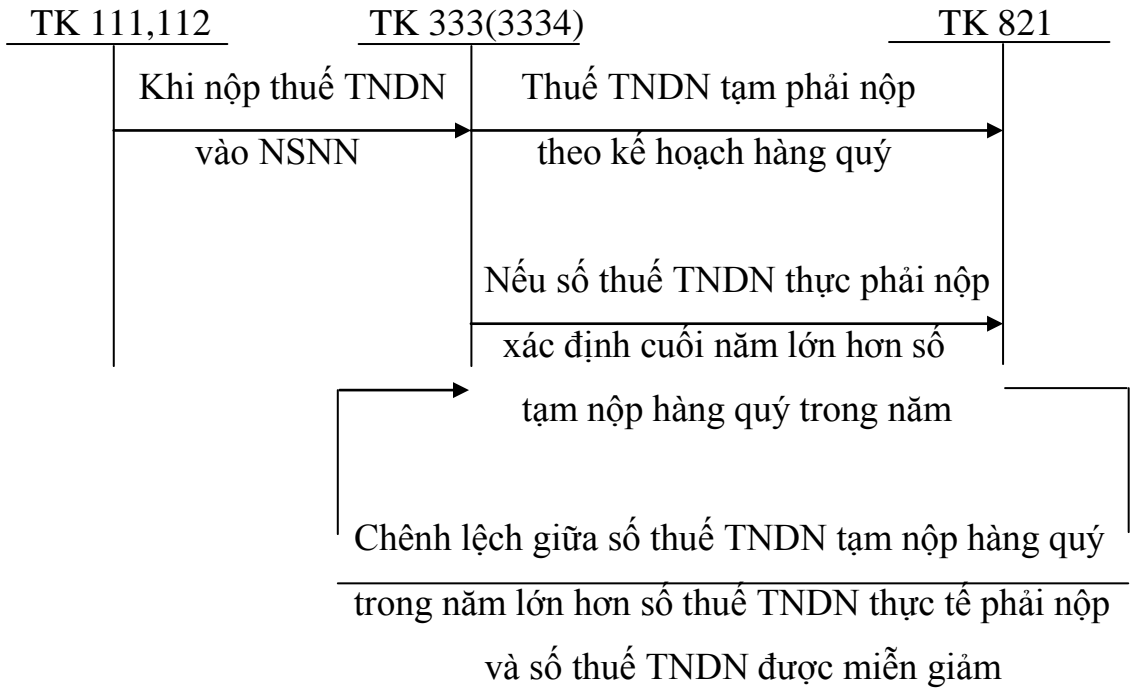
- Tài khoản 821- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

+ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

❖ Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 19: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)



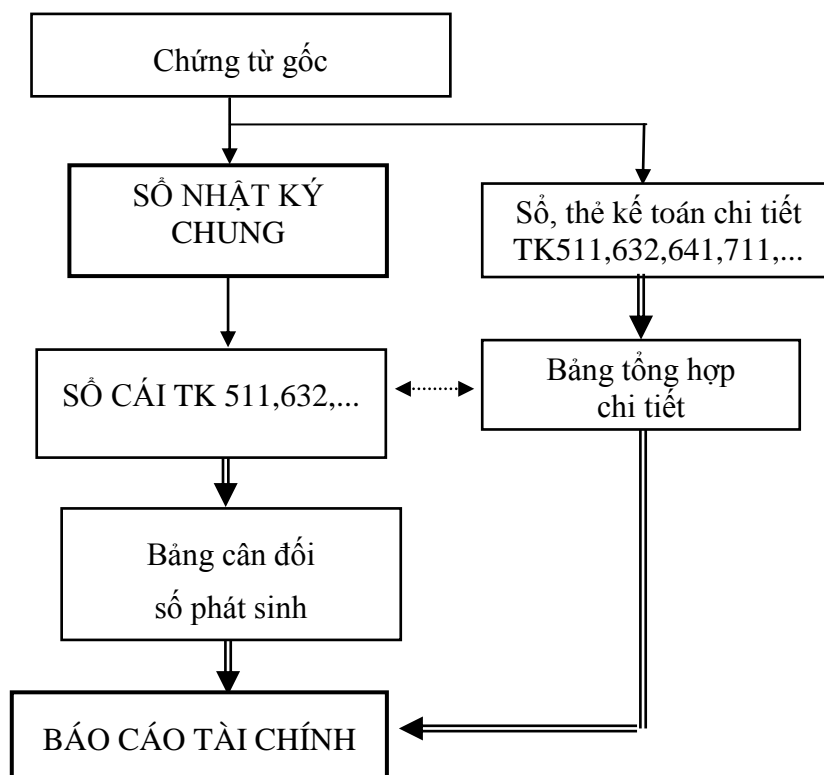
1.2.4 Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán lựa chọn một hình thức phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức sổ kế toán như sau:

1.2.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



* **Ưu điểm:** Hình thức Nhật ký sổ cái đơn giản, dễ hiểu, dễ ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra và không đòi hỏi nghiệp vụ chuyên môn cao. Sử dụng hình thức này

không phải lập Bảng cân đối số phát sinh.

* **Nhược điểm:** Nếu đơn vị sử dụng nhiều tài khoản, các nghiệp vụ phát sinh nhiều sẽ làm cho sổ kế toán rất rộng, lãng phí giấy, khó phân công lao động kế toán. Do vậy hình thức này chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, số lượng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít, sử dụng ít tài khoản kế toán.

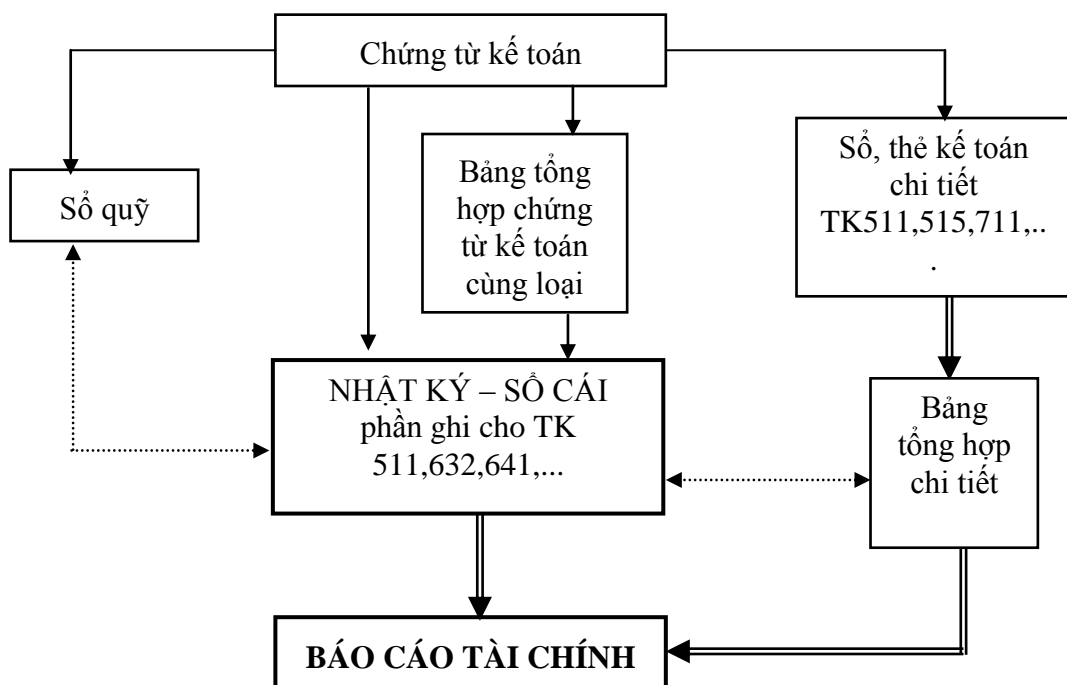
1.2.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của Nhật ký-Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo ndung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán, bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký – Sổ Cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

* **Ưu điểm:** Hình thức Nhật ký sổ cái đơn giản, dễ hiểu, dễ ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra và không đòi hỏi nghiệp vụ chuyên môn cao. Sử dụng hình thức này không phải lập Bảng cân đối số phát sinh.

* **Nhược điểm:** Nếu đơn vị sử dụng nhiều tài khoản, các nghiệp vụ phát sinh nhiều sẽ làm cho sổ kế toán rất rộng, lãng phí giấy, khó phân công lao động kế toán. Do vậy hình thức này chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, số lượng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít, sử dụng ít tài khoản kế toán.

1.2.4.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

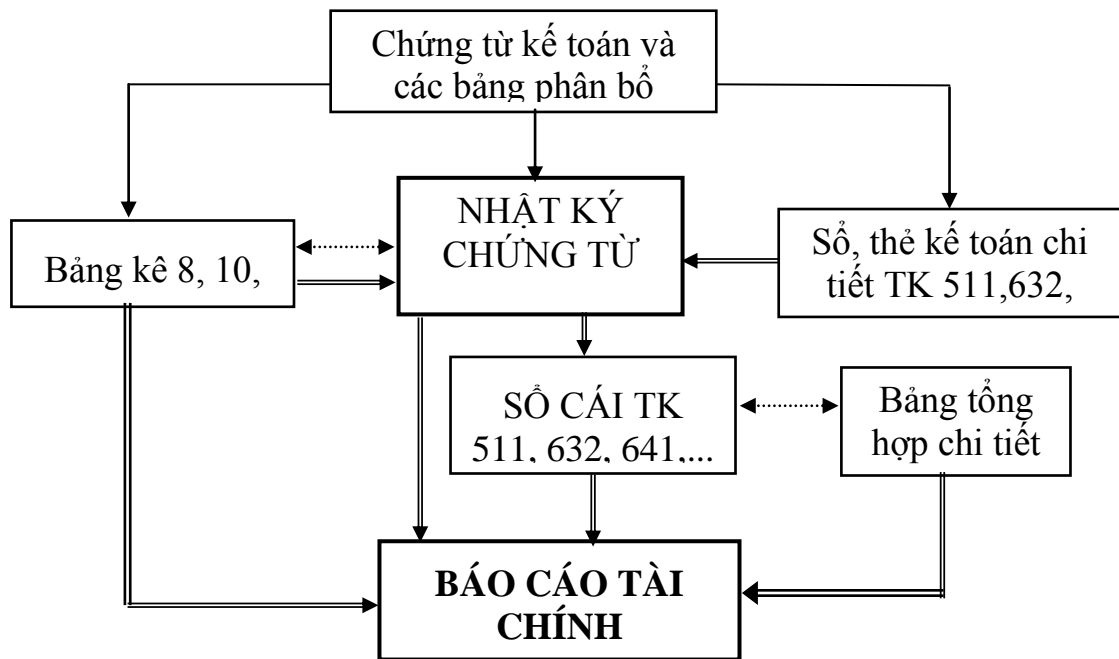
Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký – Chứng Từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

* **Ưu điểm:** Giảm nhẹ khối lượng công việc ghi sổ kế toán, công việc ghi sổ được giàn đều trong tháng. Việc kiểm tra, đối chiếu được tiến hành ngay trên các sổ kế toán và báo cáo kế toán, vì vậy việc lập báo cáo kế toán được kịp thời.

* **Nhược điểm:** Kết hợp nhiều chỉ tiêu trên trang sổ làm sổ phức tạp, không thuận lợi cho việc áp dụng vào công tác kế toán, đội ngũ kế toán đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn vững vàng. Hình thức này thích hợp cho các doanh nghiệp có nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều.

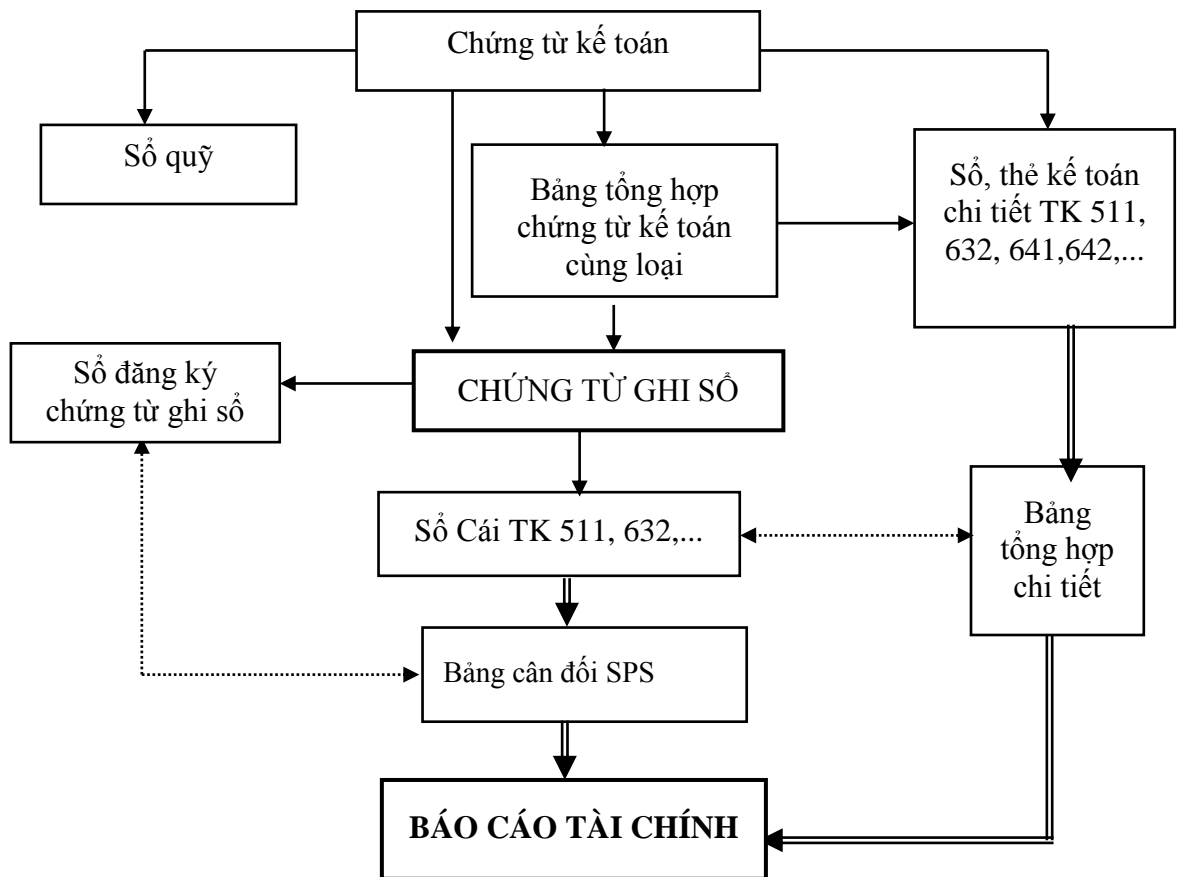
1.2.4.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng Từ Ghi Sổ



Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

* **Ưu điểm:** Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ làm, dễ phân công lao động kế toán, dễ kiểm tra, đối chiếu chặt chẽ, phù hợp với đơn vị có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Thuận lợi cho việc áp dụng các phương tiện khoa học kỹ thuật để hiện đại hóa công tác kế toán.

* **Nhược điểm:** Chứng từ ghi sổ lập nhiều, số lượng công việc kế toán ghi chép nhiều, dễ phát sinh trùng lặp; công việc kiểm tra, đối chiếu dồn vào cuối kỳ, cuối tháng nên việc thông tin kinh tế có thể chậm, ảnh hưởng đến thời gian lập báo cáo kế toán.

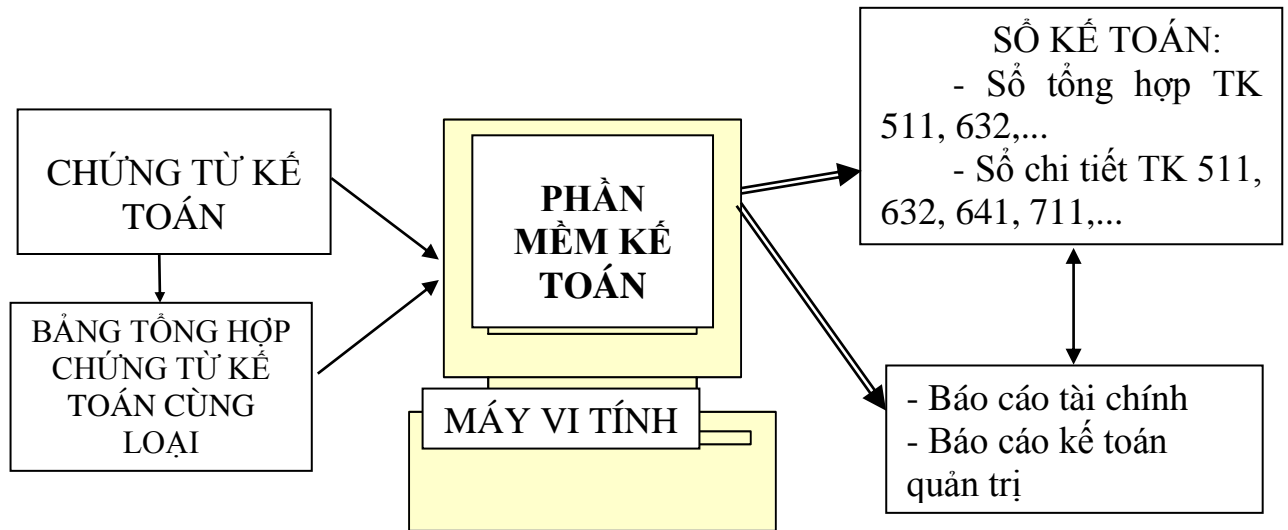
1.2.4.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định

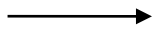
Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định

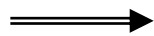
**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**



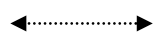
Ghi chú:



Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

PHẦN 2: THỰC TẾ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

2.1. Đặc điểm tình hình chung của Công ty Cổ phần Hoàng Vinh.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Đồng hành với sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của nền kinh tế thế giới thì nền kinh tế Việt Nam cũng đang chứng tỏ mình ở thời mở cửa và hội nhập với thế giới. Các thành phần kinh tế ngày càng đa dạng cả về loại hình hoạt động, quy mô hình thức. Sau một thời gian nghiên cứu thị trường, đến ngày 26 tháng 11 năm 2005 công ty cổ phần Hoàng Vinh được thành lập theo quyết định số 0102003974 theo giấy phép đăng kí kinh doanh ngày 23 tháng 11 năm 2005 do ủy ban nhân dân thành phố Nam Định - sở kế hoạch và đầu tư cấp.

Công ty Cổ Phần Hoàng Vinh là một doanh nghiệp cổ phần có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có tài khoản mở tại Ngân Hàng...có nhiệm vụ cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng tại Nam Định và các tỉnh lân cận.

Thông tin về Công ty:

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Hoàng Vinh
- Địa điểm : Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường - Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định Giám đốc ; Trần Đức Hoàng
- Tên giao dịch viết tắt: HOANG VINH.JSC
- Số đăng kí kinh doanh: 0703000713- C.T.C.P

Chức năng, nhiệm vụ của công ty

- ✓ Kinh doanh cho thuê Kho, bến, bãi để chứa hàng.
- ✓ Kinh doanh các mặt hàng cát xây dựng .
- ✓ Kinh doanh các mặt hàng đá xây dựng
- ✓ Kinh doanh các mặt hàng sắt thép
- ✓ Kinh doanh các mặt hàng xi măng

Những thuận lợi và khó khăn của công ty Cổ phần Hoàng Vinh trong thời gian qua:**❖ Thuận lợi:**

- Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ, tay nghề. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên.

- Công ty không những duy trì tốt quan hệ với bạn hàng quen thuộc mà còn tăng cường mở rộng hợp tác với bạn hàng khác với mục tiêu mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh.

- Các sản phẩm hàng hóa của công ty đảm bảo chất lượng tốt có thể đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

❖ Khó khăn:

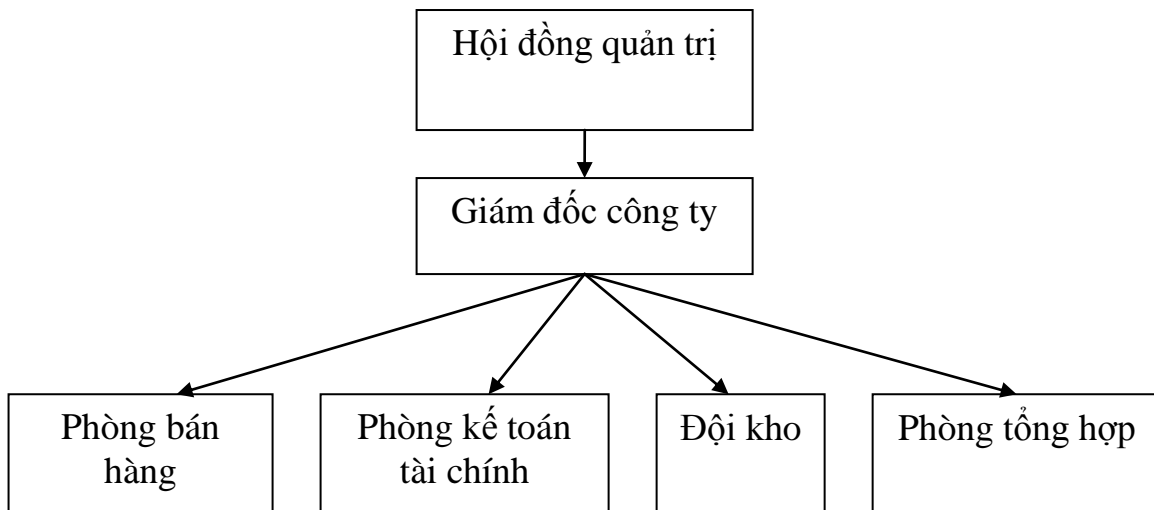
- Các chi phí tăng: giá điện, giá nước, giá xăng... kéo theo sự gia tăng về chi phí đầu vào trong doanh nghiệp

- Hiện nay, các công ty buôn bán về vật liệu xây dựng khá nhiều, dẫn đến sự cạnh tranh về các mặt hàng khá lớn.

=> Trong giai đoạn hiện nay, ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên công ty luôn cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Hoàng Vinh:

Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Công ty cổ phần Hoàng Vinh luôn quan tâm đến việc kiện toàn bộ máy quản lý sao cho phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty

Sơ đồ 20: SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**1. Hội đồng quản trị :**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị gồm 3 người

Nhiệm kỳ của hội đồng quản trị là 3 năm và có thể tái cử, trong nhiệm kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm có thể bãi miễn hoặc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm công việc hết kỳ hạn.

2. Giám đốc Công ty :

Là người đứng đầu Công ty, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, có quyền ký kết hợp đồng kinh tế, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh. Có quyền tổ chức bộ máy quản lý, đề bạt, bãi nhiệm ...cán bộ nhân viên dưới quyền theo đúng chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của Công ty. Chịu trách nhiệm về công ăn việc làm, về đời sống vật chất tinh thần và mọi quyền lợi hợp pháp khác cho Cán bộ công nhân viên.

3. Phòng bán hàng :

Quản lý điều hành công tác tiêu thụ sản phẩm của toàn bộ Công ty. Bao gồm:

- Nghiên cứu thị trường, thu thập, báo cáo và xử lý thông tin, khai thác mở rộng thị trường, tiếp thị quảng cáo, thanh tra, kiểm tra giám sát công tác tiêu thụ sản phẩm, kiểm tra các vùng thị trường, kết hợp với phòng Kế toán tài chính đôn đốc khách hàng thanh toán công nợ tiền hàng.

- Ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm và chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng đó. Cùng với phòng Kế toán tài chính xây dựng giá bán các loại sản phẩm, các quy chế tiêu thụ, chế độ khuyến mãi, khen thưởng đồng viên khác hàng, các khoản thu nộp cho lái xe vận chuyển, hàng hoá của công ty và khối cửa hàng giới thiệu sản phẩm trình Giám đốc Công ty duyệt.

4. Phòng Kế toán tài chính :

Chịu sự lãnh đạo trực tiếp của giám đốc, có chức năng khai thác và quản lý nguồn vốn phục vụ các hoạt động kinh doanh của Công ty. Thực hiện công tác hoạch toán, thông kê theo quy định của Nhà nước, phân tích hoạt động kinh tế để cung cấp các thông tin về hiệu quả kinh doanh, về tài sản của Doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

5. Đội kho :

Quản lý toàn bộ hệ thống kho hàng của Công ty. Nhập hàng hóa chịu trách nhiệm về tỷ lệ hao hụt hàng hóa trong kho và khâu giao nhận.

Chịu trách nhiệm vận chuyển trong quá trình mua bán hàng hoá. Đảm nhiệm việc kiểm tra vật tư trong quá trình xuất nhập vật tư.

6. Phòng tổng hợp :

- Thực hiện các chức năng về quản lý lao động, tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty. Thực hiện các chế độ về bảo hiểm xã hội, trợ cấp ốm đau và các vấn đề liên quan đến quyền lợi của người lao động. Tham mưu với Giám đốc trong công tác tổ chức cán bộ, đôn đốc việc chấp hành kỷ luật lao động, nội quy, quy chế của Công ty.

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh tháng, quý, năm. Kế hoạch giá thành sản phẩm, thông kê tổng hợp tiêu thụ sản phẩm, chi tiêu tài chính.

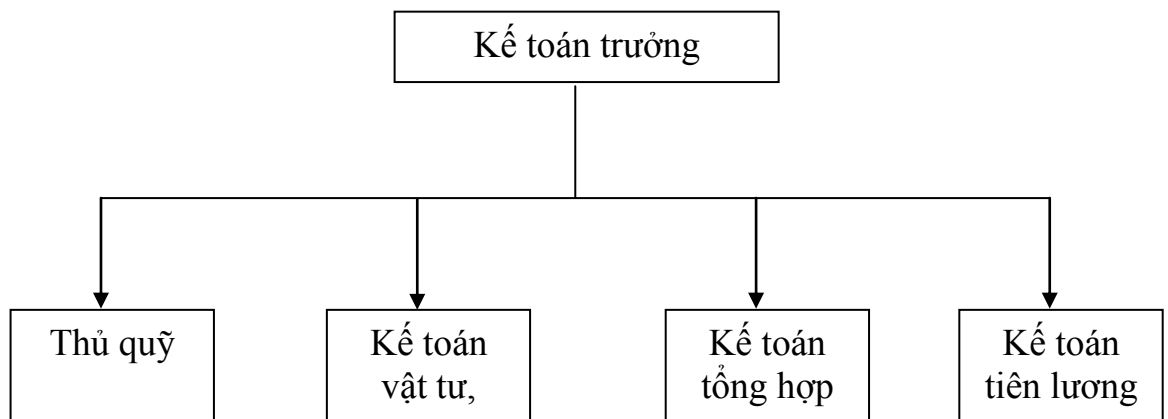
- Cung cấp đầy đủ , kịp thời các vật tư, nguyên vật liệu và công tác quản lý.

- Chịu trách nhiệm về công tác phục vụ hành chính, phục bữa ăn giữa ca cho công nhân viên chức.

- Xây dựng phương án bảo vệ và thực hiện việc tuần tra công tác bảo vệ tài sản Công ty, kết hợp với chính quyền và công an khu vực giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng phương án biện pháp phòng chống cháy nổ, chống bão lụt.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

Sơ đồ 21 : SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN



Kế toán trưởng : Là người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, các cổ đông, giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty

đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu, chi các chứng từ thanh toán đã được phê duyệt, thu tiền hàng, tiền cước phí bến bãi, trả lương cho cán bộ công nhân viên.

Kế toán vật tư, hàng hóa : Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các vật tư

nhập vào và xuất ra

Kế toán tổng hợp : Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu, do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kì. Lập báo cáo tháng, quý, năm, lập báo cáo tài chính.

Kế toán tiền lương: Là nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung(đối với khối lao động gián tiếp lương tính trên phần trăm doanh thu thu được, đối với khối lao động trực tiếp lương tính theo sản phẩm).Hàng tháng tính đến các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ).

*** Nhiệm vụ và chức năng của phòng kế toán trong Công ty**

Theo dõi, hạch toán quá trình kinh doanh, dịch vụ mà Công ty được sự cho phép của Nhà nước, ngoài ra còn cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty. Báo cáo gồm những thông tin về tài sản và sự vận động của tài sản trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm kiểm tra giám sát hoạt động kinh tế tài chính của Công ty, đồng thời phải đảm bảo tính so sánh nhất quán, tính chính xác, trung thực, khách quan, kịp thời và đầy đủ mà rõ ràng và dễ hiểu. Chính vì vậy, nhiệm vụ cơ bản của phòng kế toán Công ty gồm:

- Ghi chép phản ánh số tài sản hiện có của Công ty và tình hình luân chuyển sử dụng tài sản, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động sử dụng vốn kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch thu chi tài chính, tình hình thu nộp và thanh toán. Kiểm tra việc giữ gìn và sử dụng tài sản, sử dụng nguồn vốn kinh doanh, phát hiện và ngăn ngừa hành vi tham ô, vi phạm chế độ chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Cung cấp tài liệu, số liệu cho việc điều hành và quản lý các hoạt động trong Công ty. Kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế - tài chính, phục vụ công tác lập kế hoạch theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch.

- Lựa chọn hình thức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán một cách hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả.

- Luôn luôn đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và đúng tiến bộ.
- Tổ chức mọi công việc kế toán để thực hiện đầy đủ, có chất lượng nội dung công tác kế toán của Công ty.

2.1.4. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty cổ phần Hoàng Vinh;

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
3. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính
4. Hình thức sổ kế toán áp dụng: **Sổ nhật kí chung**
5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hoá.
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền cả kì dự trữ
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

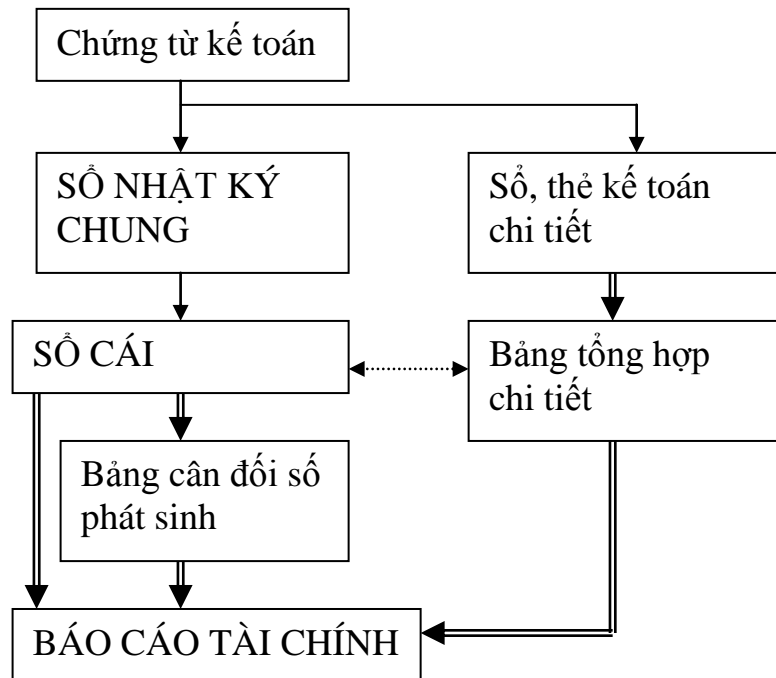
2.1.5. Hình thức sổ kế toán

Kể từ ngày thành lập cho đến nay, công ty áp dụng hình thức sổ Nhật kí chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật kí chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật kí, mà trọng tâm là sổ nhật kí chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm :

- Sổ Nhật kí chung
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 22: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kì (cuối tháng, cuối quý)
- ←-----> Đối chiếu , kiểm tra

SƠ ĐỒ : TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN

2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoàng Vinh:

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần Hoàng Vinh:

2.2.1.1. Đặc điểm công tác kế toán bán hàng của Công ty

a. Các phương thức tiêu thụ tại công ty

- Bán buôn hàng hóa: Bán cho các khách hàng, các đại lý mua theo hợp đồng kinh tế đã được ký kết trước với Công ty.

- Bán lẻ hàng hóa: Khách hàng trực tiếp đến Công ty để mua hàng hoặc nhân viên phòng kinh doanh tìm thị trường tiêu thụ. Khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Kế toán lập phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu tiền hàng và đồng thời ghi nhận doanh thu.

b. Các phương thức thanh toán tiền hàng áp dụng tại Công ty

Công ty thực hiện phương thức thanh toán rất đa dạng, phụ thuộc vào các hợp đồng kinh tế đã ký kết

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi công ty thực hiện giao hàng xong, bản thân người bán ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là tiền ghi sổ chứ không phải là tiền thực tế.

c. Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, yêu cầu của khách hàng đối với Công ty về việc mua bán các sản phẩm của công ty, căn cứ vào thời hạn giao hàng đã thỏa thuận, khi sản phẩm đã xuất khỏi kho công ty và chuyển đến khách hàng thì số

hàng này được coi là tiêu thụ và được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Hàng ngày khi phát sinh các nghiệp vụ bán hàng để theo dõi toàn bộ doanh thu bán hàng kế toán căn cứ vào các chứng từ gồm hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho, phiếu thu để làm căn cứ ghi vào sổ chi tiết bán hàng cho TK 511.

Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu sau thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định kế toán viết hóa đơn GTGT và căn cứ vào hình thức thanh toán của khách hàng để lập chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, giấy báo có của ngân hàng nếu khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, chứng từ khác nếu khách hàng trả tiền sau.

2.2.1.2. Kế toán chi tiết doanh thu bán hàng

a. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

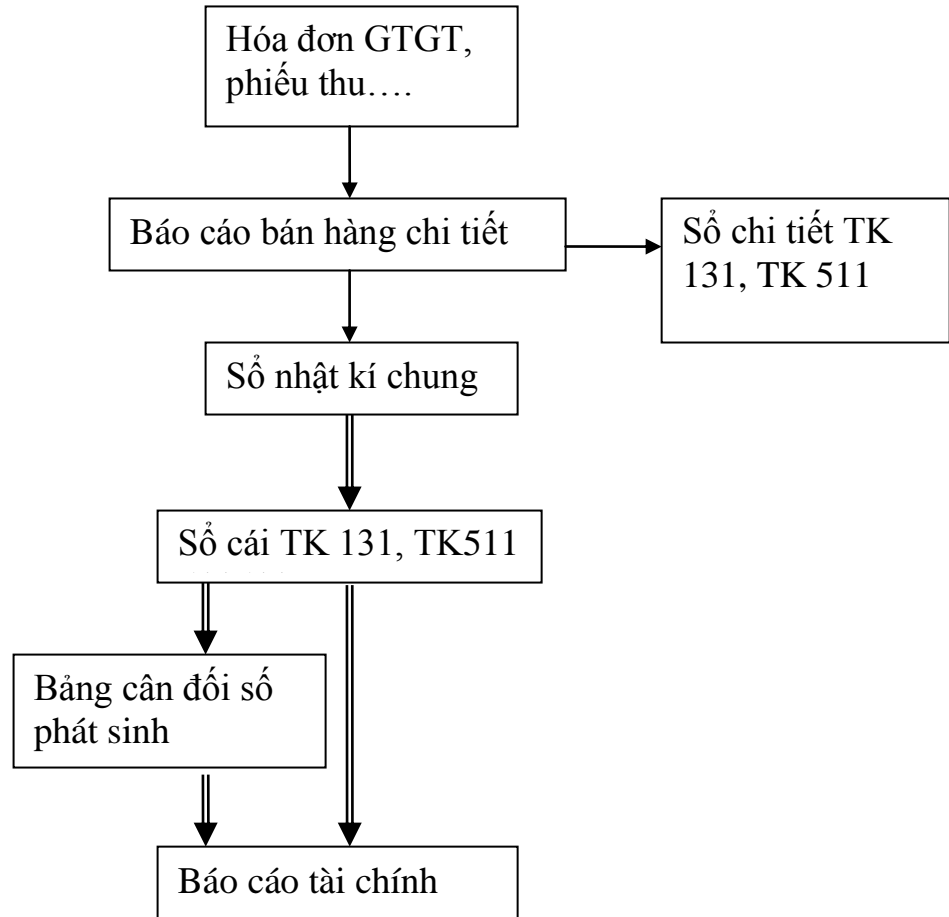
- + Hợp đồng mua bán hàng hóa
- + Hóa đơn GTGT
- + Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng

- Sổ sách sử dụng:

- + Sổ chi tiết bán hàng
- + Bảng kê hàng hóa bán ra
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái TK 511
- + Các sổ sách khác có liên quan: sổ chi tiết TK 131, sổ cái TK 131, TK 3333...

b. Quy trình luân chuyển chứng từ.

Sơ đồ 23: Quy trình hạch toán tiêu thụ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty Cổ phần Hoàng Vinh:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi theo tháng
- ←---→ Kiểm tra, đối chiếu

VD1: Ngày 10/12/2010 công ty ký hợp đồng bán hàng với Công ty TNHH Xuân Hòa một lô hàng cụ thể như sau

- Thép Φ8 với 1 Kg với đơn giá 17.800đ/kg
- Thép Φ 10 (độ dài 11.7m) với đơn giá 114.000đ/cây
- Thép Φ 14 (độ dài 11.7m) với đơn giá 239.000đ/cây
- Thép Φ 18(độ dài 11.7m) với đơn giá 395.000đ/cây

VD2: Ngày 15/12/2010 công ty bán hàng cho chị Nguyễn Thị Hiền Công ty cổ phần Hoàng Phong một lô hàng sau :

- 200 bao xi măng với đơn giá 50.000 đ/bao
- 100 khối cát với đơn giá 240.000 đ/khối
- 50 khối đá to với đơn giá 50.000 đ/khối
- 50 khối đá nhỏ với đơn giá 60.000 đ/khối

Căn cứ từ hợp đồng kế toán tiến hành ghi :

- Viết hóa đơn GTGT
- vào nhật ký chung
- Vào sổ cái TK 511
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu bán hàng, xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán tiến hành viết hoá đơn GTGT ký hiệu AX/2010B số 008765(Biểu số 1), phiếu thu số 920(Biểu số 2) và hoá đơn GTGT ký hiệu AX/2010 số 008770(Biểu số 3), phiếu thu số 930 (Biểu số 4) sau đó vào sổ nhật ký chung (Biểu số 5) và sổ cái TK 511 (Biểu số 6)

Biểu số 1:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : 01 GTKT 3LL

Liên 3: nội bộ

AX/2010B

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

008765

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Hoàng Vinh.....

Địa chỉ : tổ 16- Thị trấn Xuân Trường - Xuân Trường- Nam Định.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MS:.....

Họ tên người mua hàng: Bùi Xuân Hòa

Tên đơn vị: Công ty TNHH Xuân Hòa

Địa chỉ : Phố Lạc Quần- Xuân Ninh - Huyện Xuân Trường- Tỉnh Nam Định

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán :..TM.....MS:

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép Φ 8	Kg	205	17,800	3.649.000
2	Thép Φ 10	Cây	52	114.000	5.928.000
3	Thép Φ 14	Cây	15	239.000	3.585.000
4	Thép Φ 18	Cây	12	395.000	4.740.000
Cộng tiền hàng					17.902.000
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT					1.790.200
Tổng cộng tiền thanh toán					19.692.200
Số tiền viết bằng chữ: M ười chín triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn hai trăm đồng					

Biểu số 2:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu số: 01 – TT

Tổ 16 - Thị trấn Xuân Trường –

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Huyện Xuân Trường- Nam Định

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Số : 920

Nợ 111: 19.692.200

Có 511: 17.902.000

Có 3331: 1.790.200

Họ tên người nộp tiền: Bùi Xuân Hòa

Địa chỉ : Phố Lạc Quân- Xuân Ninh- Xuân Trường – Nam Định

Lý do nộp : Thu tiền bán hàng 008765

Số tiền : 19.692.200

Viết bằng chữ : Mười chín triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn hai trăm đồng.

Kèm theo : 01 Chứng từ kế toán HĐGTGT 008765

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---	---	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 3:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : 01 GTKT 3LL

Liên 3: nội bộ

AX/2010B

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

008770

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Hoàng Vinh.....

Địa chỉ : tổ 16- Thị trấn Xuân Trường - Xuân Trường- Nam Định.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MS:.....

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Hiền

Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Hoàng Phong.....

Địa chỉ : Xóm 1-Xuân Kiên - Huyện Xuân Trường- Tỉnh Nam Định.....

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán :..TM.....MS:

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xi măng	Bao	80	50.000	4.000.000
2	Cát	Khối	45	240.000	10.800.000
3	Đá to	Khối	30	50.000	1.500.000
4	Đá nhỏ	Khối	30	60.000	1.800.000
Cộng tiền hàng					18.100.000
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT					1.810.000
Tổng cộng tiền thanh toán					19.910.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu chín trăm mười nghìn đồng					

Biểu số 4:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu số: 01 – TT

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Huyện Xuân Trường- Nam Định

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Số: 930

Nợ 111: 19.910.000

Có 511: 18.100.000

Có 3331: 1.810.000

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Hiền

Địa chỉ : Xóm 1 – Xuân Kiên – Xuân Trường – Nam Định

Lý do nộp : Thu tiền bán hàng 008770

Số tiền : 19.910.000

Viết bằng chữ : Mười chín triệu chín trăm mười nghìn đồng

Kèm theo : 01 Chứng từ kế toán HĐGTGT 008770

Giám đốc	Kế toán	Người nộp tiền	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	phiếu (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 5:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu số S03a- DN

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
2/12	PT 898	2/12	Công ty TNHH NAM An trả nợ	112	10.231.235	
				131		10.231.235
3/12	PC 504	3/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty Mai Hoa	331 112	25.890.000	25.890.000
10/12	PT920	10/12	Bán hàng cho công ty TNHH Xuân Hòa	111 511 3331	19.692.200	17.902.000 1.790.2002
15/12	PT930	15/12	Bán hàng cho công ty cổ phần HoàngPhong	111 511 3331	19.910.000	18.100.000 1.800.000
			Cộng phát sinh tháng 12		25.399.446.119	25.399.446.119

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 6:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu số S03b- DN

Tổ 16 - Thị trấn Xuân Trường –

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Số phát sinh tháng 12			
					
10/12	PT 920	10/12	Bán hàng cho công TNHH Xuân Hòa thu bằng tiền mặt	111		19.692.200
15/12	PT 930	15/12	Bán hàng cho công ty Cổ phần Hoàng Phong	111		19.910.000
11/12	PC 689	11/12	Bán hàng cho cửa hàng Dung Thoa	112		100.000.000
					
31/2	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	6.263.802.058	
			Cộng phát sinh tháng 12		6.263.802.058	6.263.802.058
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kê toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán

2.2.2.1 Nội dung công tác kế toán hàng bán

+ Kế toán giá vốn hàng bán

Tại công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ. Cho nên các nghiệp vụ bán hàng phát sinh kế toán tiến hành xác định trị giá vốn xuất kho của hàng hóa đó rồi viết phiếu xuất kho. Dựa vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi sổ

+ Phương thức tính giá hàng xuất kho

Công ty tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ và được tính theo công thức :

$$\text{Giá đơn vị BQGQ cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn ĐK} + \text{Trị giá nhập trong kì}}{\text{Lượng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập}}$$

Trị giá hàng hóa xuất kho = Lượng thực tế xuất kho * Giá đơn vị BQGQ cả kỳ dự trữ

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

a, Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan

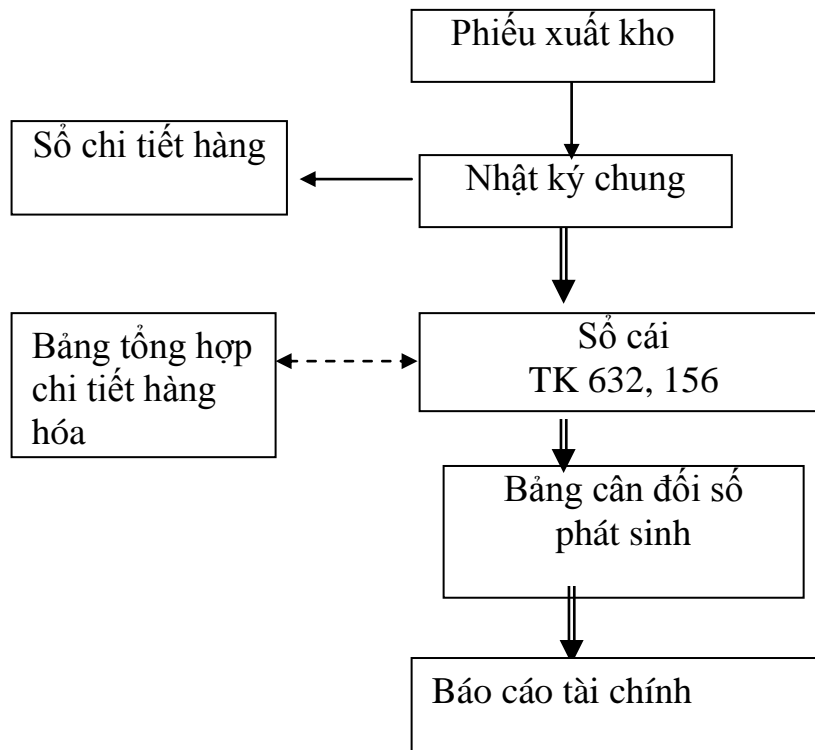
b. Tài khoản sử dụng

-Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán . Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn thực tế hàng xuất bán đã được chấp nhận thanh toán hoặc đã được thanh toán trong kỳ .

2.2.2.3 Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán

Hàng ngày căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu xuất kho và các chứng từ khác có liên quan, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 632, TK 156 ... và các sổ có liên quan

Cuối quý, kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính



Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- <-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần Hoàng Vinh

Ví dụ 3 : Lấy tiếp ví dụ 1

Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất trong kỳ tại Công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Từ phiếu xuất kho (biểu số 7) kế toán vào sổ nhật ký chung(biểu số 9) sau đó vào sổ cái 632 (biểu số 10). Cuối kỳ kết chuyển sang 911

V í dụ 4 : Lấy tiếp ví dụ 2

Từ phiếu xuất kho (biểu số 8) vào sổ nhật ký chung (biểu số 9) sau đó vào sổ cái (Biểu số 10). Cuối kỳ kết chuyển sang 911

Biểu số 7:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu số 02 -VT

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –

Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC

Huyện Xuân Trường – Nam Định

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Số : 786

Nợ TK 632 : 16.578.500

Có TK 156 : 16.578.500

Họ và tên người nhận hàng: Bùi Xuân Hòa

Địa chỉ : Công ty TNHH Xuân Hòa

Lý do xuất kho: Xuất bán thép

Xuất tại kho: hàng hóa

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép Φ 8	Kg	205	14.500	2.972.500
2	Thép Φ 10	Cây	52	106.000	5.512.000
3	Thép Φ 14	Cây	15	230.000	3.450.000
4	Thép Φ 18	Cây	12	387.000	4.644.000
	Cộng				16.578.500
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng .					

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

(ký,họ tên)

Người giao hàng

(ký,họ tên)

Thủ kho

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Biểu số 8:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu số 02 -VT

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –

Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC

Huyện Xuân Trường – Nam Định

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Số :791

Nợ TK 632 : 15.580.000

Có TK 156 : 15.580.000

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Hiền

Địa chỉ : Công ty Cổ phần Hoàng Phong

Lý do xuất kho: Xuất bán Vật liệu xây dựng

Xuất tại kho: hàng hóa

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xi măng	Bao	80	47.000	3.760.000
2	Cát	Khối	45	200.000	9.000.000
3	Đá to	Khối	30	42.000	1.260.000
4	Đá nhỏ	Khối	30	52.000	1.560.000
	Cộng				15.580.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng					

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

(ký,họ tên)

Người giao hàng

(ký,họ tên)

Thủ kho

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Biểu số 9:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường – Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định	Mẫu số S03a- DN Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
---	--

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
2/12	PT 898	2/12	Công ty TNHH NAM An trả nợ	112 131	10.231.235	10.231.235
3/12	PC 504	3/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty Mai Hoa	331 112	25.890.000	25.890.000
10/12	PX 786	10/12	Bán hàng cho công ty TNHH Xuân Hòa	632 156	16.578.500	16.578.500
	PT 920		Thu bằng tiền mặt	111 511 3331	19.692.200	17.902.000 1.790.200
15/12	PX 791	15/12	Bán hàng cho công ty Cổ phần Hoàng Phong	632 156	15.580.000	15.580.000
	PT 930		Thu bằng tiền mặt	111 511 3331	19.910.000	18.100.000 1.810.000
			Cộng phát sinh tháng 12		25.399.446.119	25.399.446.119

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 10:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu S03b- DN

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –Huyện Xuân

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC

Trường – Tỉnh Nam Định

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Đơn vị tính : đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Số phát sinh trong tháng 12			
					
10/12	PX 786	10/12	Xuất kho hàng hóa bán cho công ty TNHH Xuân Hòa	156	16.578.500	
15/12	PX 791	15/12	Xuất kho xi măng, cát , đá cho công ty Hoàng Phong	156	15.580.000	
20/12	PX 880	20/12	Xuất kho xi măng bán cho công ty Nam An	156	300.258.958	
					
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		5.898.125.347
			Cộng số phát sinh tháng 12		5.898.125.347	5.898.125.347
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

a. Chứng từ, sổ sách sử dụng

Phiếu chi, giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng, chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 641...

b. Phương pháp hạch toán

Quá trình tập hợp chi phí bán hàng và hạch toán chi phí bán hàng tại công ty cổ phần Hoàng Vinh như sau: Định kỳ kế toán căn cứ vào phiếu chi, hóa đơn GTGT, giấy báo nợ của ngân hàng...kế toán tập hợp chi phí thực tế phát sinh sau đó cùng với việc vào sổ quỹ tiền mặt, kế toán tiến hành tổng hợp các chứng từ để vào sổ cái TK 641.

Ví dụ minh họa :

Công ty thanh toán tiền điện thoại : 992.156

Kế toán định khoản

Nợ TK 641: 901.960

Nợ TK 133: 90.196

Có TK 111: 992.156

Biểu số 11:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu số 02- TT

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số:889

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 642: 901.960

Nợ TK 133: 90.196

Có TK 111: 992.156

Họ và tên người nhận tiền: Công ty viễn thông Nam Định

Địa chỉ: Thị trấn Xuân Trường - Xuân Trường – Nam Định

Lý do chi: Trả tiền điện thoại cố định tháng 12

Số tiền: 992.156 đồng

Viết bằng chữ: Chín trăm chín mươi hai nghìn, một trăm lăm mươi sáu đồng.

Kèm theo: ... chứng từ

Ngày 29 tháng 06 năm 2010

Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)	Phụ trách kế toán (Ký, họ tên)	Người lập biểu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
-----------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------	-------------------------	------------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Chín trăm chín mươi hai nghìn, một trăm lăm mươi sáu đồng.

chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 12:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu số S03a- DN

Tổ 16 - Thị trấn Xuân Trường –

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC

Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
27/12	PC880	27/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển	641 111	8.567.000	8.567.000
29/12	PC 889	29/12	thanh toán tiền điện thoại	641 133 111	901.960 90.196	992.156
29/12	PC890	29/12	Thanh toán tiền bốc vác	641 111	1.515.000	1.515.000
31/12	PC900	31/12	Trả tiền điện nước	641 111	3.453.980	3.453.980
					
			Cộng phát sinh tháng 12		25.399.446.119	25.399.446.119

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 13:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu số S03b-DN

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí bán hàng

Số hiệu :641

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Số phát sinh trong tháng 12			
					
28/12	PC880	28/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển	111	8.567.000	
29/12	PC889	29/12	thanh toán tiền điện thoại	111	991.960	
29/12	PC890	29/12	Thanh toán tiền bốc vác	111	1.515.000	
31/12	PC900	31/12	Trả tiền điện nước	111	3.453.980	
					
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		131.008.706
			Cộng số phát sinh tháng 12		131.008.706	131.008.706
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Kế toán chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp. Chi phí quản lý chủ yếu của công ty bao gồm:

- Chi phí trả lương cho nhân viên
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí mua văn phòng phẩm
- Lệ phí ngân hàng
- Tiền điện thoại
- Chi phí bằng tiền khác: chi phí tiếp khách, thuế môn bài....

a. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng

Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng, chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 642...

b. Phương pháp hạch toán

Hàng tháng kế toán căn cứ vào bảng thanh toán lương, bảng trích khấu hao TSCĐ, phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng... để tập hợp chi phí thực tế phát sinh sau đó kế toán ghi vào sổ cái TK 642.

Trong tháng khi phát sinh chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán căn cứ vào các hóa đơn chứng từ liên quan để hạch toán.

Nợ TK 642:

Nợ TK 133 (nếu có)

Có TK 111, 112, 334, 152, 153, 214.....

** Ví dụ:*

- Ngày 19/12 thanh toán mua dụng cụ văn phòng: **8.134.500**
- Ngày 20/12 thanh toán tiền linh kiện máy tính số tiền là **479.000**
- Ngày 31/12 thanh toán tiền điện cho bộ phận quản lý :**568.000**
- Ngày 31/ 12 trích trước tiền tiếp khách là **6.750.000**

Biểu số 14:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –

Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định

Mẫu số S03a-DN

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
19/12	PC 877	19/12	Thanh toán tiền mua dụng cụ văn phòng	642 111	8.134.500	8.134.500
20/12	PC 883	20/12	thanh toán tiền linh kiện máy tính	642 111	479.000	479.000
30/12	PC 899	30/12	Thanh toán tiền điện cho bộ phận quản lý	642 111	568.000	568.000
31/12	PC 903	31/12	Trích trước tiền tiếp khách	642 111	6.750.000	6.750.000
31/12					
			Cộng ps tháng 12		25.399.446.119	25.399.446.119

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 15:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –

Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐBTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu :642

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong tháng 12			
					
19/12	PC 877	19/12	Thanh toán tiền mua dụng cụ văn phòng	111	8.134.500	
20/12	PC883	20/12	Thanh toán tiền linh kiện	111	479.000	
30/12	PC899	30/12	Thanh toán tiền điện cho bộ phận quản lý	111	568.000	
31/12	PC903	31/12	Trích trước tiền tiếp khách	111	6.750.000	
					
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			154.654.406
			Cộng phát sinh tháng 12		154.654.406	154.654.406

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

2.2.5.1. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Hoàng Vinh bao gồm các khoản sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở tiền gửi , thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.

- Cổ tức được chia được ghi nhận trên cơ sở tỷ lệ góp vốn và lợi nhuận được chia. Cụ thể như sau:

- * Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, công ty sử dụng TK 515 –
Doanh thu hoạt động tài chính

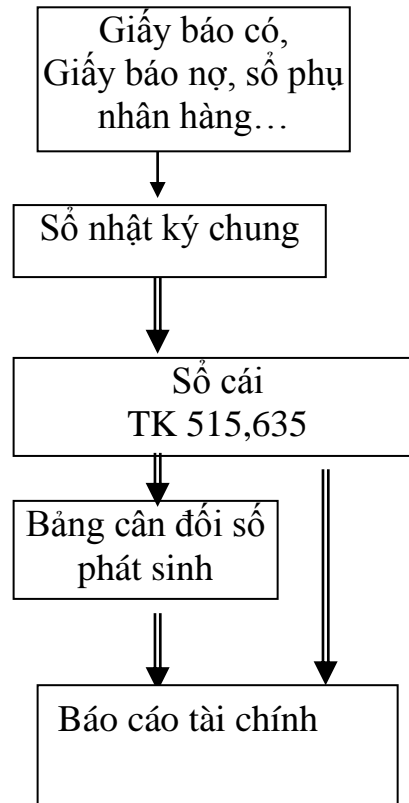
TK 5151: Doanh thu hoạt động tài chính/Lãi tiền gửi

TK 5152: Doanh thu hoạt động tài chính/Cổ tức, lợi nhuận được chia

- * Chứng từ sổ sách sử dụng:

- Giấy báo Có của ngân hàng
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 515
- Các chứng từ sổ sách liên quan khác

*Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần Hoàng Vinh:



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày
- ==> Ghi định kỳ

Sơ đồ: Quy trình hạch toán doanh thu tài chính tại công ty CP Hoàng Vinh.

Ví dụ minh họa :

Ngày 22/12/2010, công ty nhận được giấy báo Có của ngân hàng Công Thương về tiền lãi được hưởng, số tiền là 5.013.343

Kế toán căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, kèm theo sổ phụ, vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515 và các tài khoản khác có liên quan

Biểu số 16:

Chi nhánh: Ngân hàng công thương NĐ

Mã số thuế: 0100233488-009

GIẤY BÁO CÓ

Số: BTTR62

Ngày: Từ 26- 30/12/2010

Giờ: 02:33:52PM

Mã số khách hàng: 00109530

Đơn vị: Công ty cổ phần Hoàng Vinh

Tên tài khoản: 024704060000259 – Công ty cổ phần Hoàng Vinh

Mã giao dịch: 01986252656526

Nội dung: Nhận lãi tiền gửi

Số tiền : 5.013.343

Số tiền bằng chữ: Năm triệu không trăm mười ba nghìn ,ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng

Giao dịch viên/ NV nghiệp vụ

Kiểm Soát

Biểu số 17:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường – Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định	Mẫu số S03b- DN Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
--	---

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
5/12	PT 898	5/12	Công ty Minh Thoa trả nợ	111 131	21.231.000	21.231.000
19/12	PC 880	19/12	Mua xi măng của công ty Nam Việt	156 133 111	18.000.000 1.800.000	19.800.000
20/12	PT 954	20/12	Công ty An Phú toán tiền mua sắt thép	111 131	25.000.000	25.000.000
22/12	GBC	22/12	Nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng	112 515	5.013.343	5.013.343
					
			Cộng phát sinh tháng 12		25.399.446.119	25.399.446.119

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 18 :

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường – Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định	Mẫu số S03b- DN Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
---	--

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Doanh thu tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Số phát sinh trong tháng 12			
22/12	GBC	22/12	Nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng	112		5.013.343
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	5.013.343	
			Cộng phát sinh tháng 12		5.013.343	5.013.343
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5.2 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến đầu tư tài chính, trả tiền thuê tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên kết, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái

Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính. Chi phí tài chính của Công ty cổ phần Hoàng Vinh bao gồm các khoản sau

TK 6351 - Lãi tiền vay

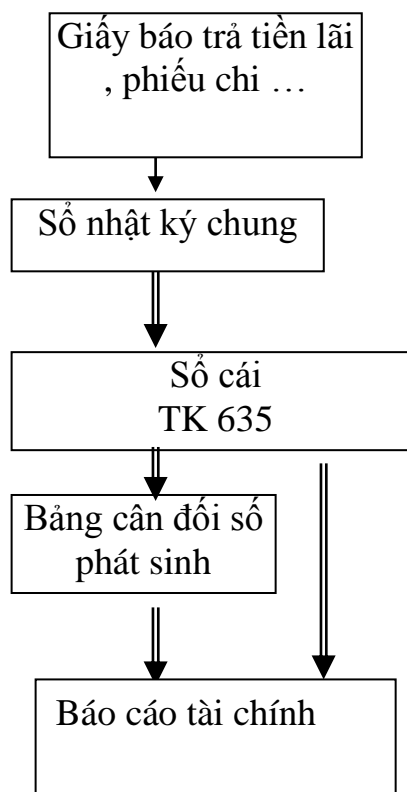
TK 6352 - Lỗ chênh lệch tỷ giá

Chứng từ sổ kế toán sử dụng

- Giấy báo có ngân hàng
- Phiếu chi
- Bảng kê tính lãi của ngân hàng
- Sổ chi tiết liên quan tài khoản 112, 635
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái tài khoản 635

* Quy trình hạch toán:

Căn cứ vào các chứng từ, sổ sách liên quan: Giấy báo Có, Giấy báo Nợ, sổ phụ ngân hàng.... Cuối tháng kế toán tập hợp vào chứng từ ghi sổ, từ đó tiến hành ghi vào sổ cái TK 515, 635. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hoạt động tài chính sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- =====> Ghi định kỳ

Sơ đồ: Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại công ty CP Hoàng Vinh.

Ví dụ minh họa :

Ngày 26/12/2010 ngân hàng gửi giấy báo nợ trả lãi tiền vay cho công ty thông báo số tiền lãi phải trả tháng 12 là 38.564.000 đồng. Công ty trả lãi bằng TGNH

Biểu số 19:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –

Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định

Mẫu số S03a- DN

Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐBTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
5/12	PT898	5/12	Công ty Minh Thoa trả nợ	111 131	21.231.000	21.231.000
19/12	PC880	19/12	Mua xi măng của công ty Nam Việt	156 133 111	18.000.000 1.800.000	19.800.000
20/12	PT954	20/12	Công ty An Phú toán tiền mua sắt thép	111 131	25.000.000	25.000.000
26/12	GBN	26/12	Trả lãi tiền gửi từ ngân hàng	112	38.564.000	
					
			Cộng phát sinh tháng 12		25.399.446.119	25.399.446.119

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 20 :

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu số S03b-DN

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC

Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí tài chính

Số hiệu :635

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Số phát sinh tháng 12			
26/12	GBN	26/12	Trả lãi tiền gửi từ ngân hàng	112	38.564.000	
					
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		249.557.851
			Cộng phát sinh tháng 12		249.557.851	249.557.851
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**2.2.6.1 Kế toán thu nhập khác**

Thu nhập khác là tài khoản dùng để phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của công ty. Nội dung của thu nhập khác tại Công ty cổ phần Kim Chính bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Thu tiền được hưởng do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

* Để hạch toán các khoản thu nhập khác: Công ty sử dụng TK 711 – Thu nhập khác

* Chứng từ ghi sổ kế toán sử dụng

- Biên bản đánh giá lại tài sản
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 711
- Các sổ sách liên quan khác

2.2.6.2. Chi phí khác

Chi phí khác phản ánh chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Để hạch toán chi phí khác, công ty sử dụng tài khoản 811 – chi phí khác. Theo quyết định 15 của Bộ tài chính, chi phí khác bao gồm:

TK 811 – Chi phí khác

TK 821 – Chi phí thuế TNDN

a. Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán TSCĐ

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kế toán

- Các khoản chi phí khác

* Chứng từ sổ sách sử dụng

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ, vật tư hàng hoá

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ cái TK 811

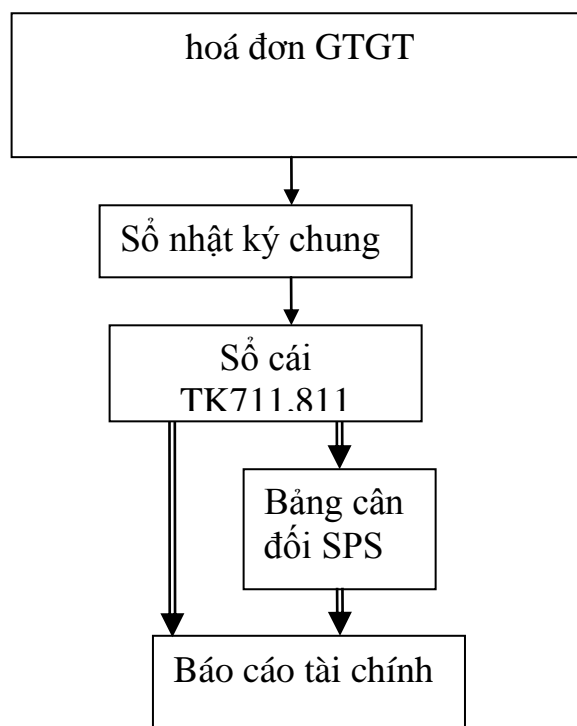
- Các sổ liên quan khác

b. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính

TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

*** Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty Cổ phần Hoàng Vinh**



Ghi chú : Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng : \Longrightarrow

Ví dụ minh hoạ : Ngày 20/12/2010, Công ty chi tiền nộp phạt thuế cho chi cục thuế, số tiền 85.000VNĐ (Phiếu chi số 884)

Biểu số 21:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Mẫu số :S02-TT

Tổ 16 - Thị trấn Xuân Trường -

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Huyện Xuân Trường- Tỉnh Nam Định

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

số: 884

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Nợ 811: 85.000

Có 111: 85.000

Họ tên người nhận tiền: Trần Thị Hoa

Địa chỉ : Chi cục thuế Nam Định

Lý do chi tiền : Chi tiền nộp phạt thuế

Số tiền : **85.000 VNĐ**

Viết bằng chữ : Tám mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo :...**01** Biên lai thu tiền phạt.

Ngày 28 tháng 12 năm 2010.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nộp
<i>(Ký, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	phiếu	tiền
			<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 22:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH

Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –

Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định

Mẫu số S03a- DN

Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐBTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
5/12	PT898	5/12	Công ty Minh Thoa trả nợ	111 131	21.231.000	21.231.000
19/12	PC880	19/12	Mua xi măng của công ty Nam Việt	156 133 111	18.000.000 1.800.000	19.800.000
20/12	PT954	20/12	Công ty An Phú toán tiền mua sắt thép	111 131	25.000.000	25.000.000
28/12	PC 884	28/12	Nộp tiền phạt cho chi cục thuế	111	85.000	
26/12	GBN	26/12	Trả lãi tiền gửi từ ngân hàng	112	38.564.000	
					
			Cộng phát sinh tháng 12		25.399.446.119	25.399.446.119

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 23 :

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH Tổ 16 - Thị trấn Xuân Trường – Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định	Mẫu số S03b- DN Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
--	--

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí khác

Số hiệu :811

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Số phát sinh trong tháng 12			
20/12	PC 884	20/12	Nộp tiền phạt cho chi cục thuế	111	85.000	
					
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	85.000	85.000
			Cộng phát sinh tháng 12		85.000	85.000
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.7 Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (TK 9111)
- Kết quả hoạt động tài chính (TK 9112)
- Kết quả hoạt động bất thường (TK 9113)

Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng các tài khoản

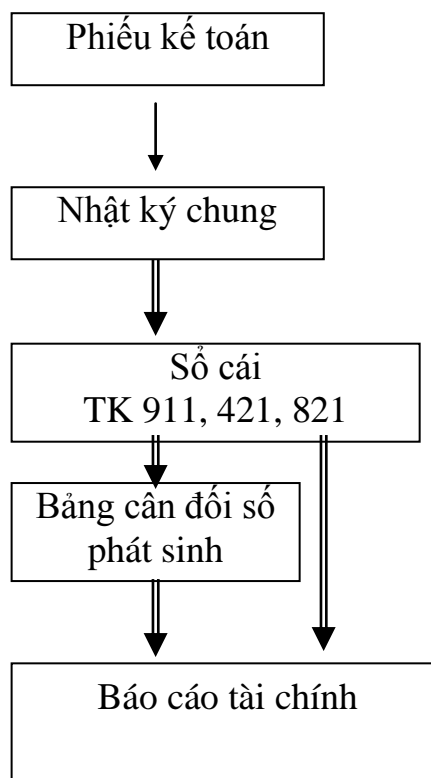
TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

*** Chứng từ sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 911, 821, 421
- Các sổ cái liên quan: 511,515,632,641...

*** Quy trình hạch toán**



Ghi chú:

- > *Ghi hằng ngày*
- =====> *Ghi định kỳ*

Sơ đồ: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Hoàng Vinh.

Biểu số 24:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH Tổ 16 - Thị trấn Xuân Trường – Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định	Mẫu số S03b- DN Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
--	--

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu : TK 821

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Số phát sinh trong tháng 12			
31/12	KC	31/12	Xác định thuế TNDN tạm phải nộp	3334	8.846.023	
			K/c CP thuế TNDN	911		8.846.023
					
			Cộng phát sinh tháng 12		8.846.023	8.846.023
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ví dụ minh họa :

Xác định kết quả kinh doanh của công ty tại tháng 12/2010. Để xác định được kết quả kinh doanh kế toán tiến hành tổng hợp số liệu và tiến hành các bút toán kết chuyển:

- **Kết chuyển TK 511, 515**
- **Kết chuyển TK 632, 641, 642, 811, 635**
- **Vào sổ Nhật ký chung**
- **Vào sổ cái Tk 911**

Phương pháp tính toán và kết chuyển

Phương pháp tính toán

- Kết quả hoạt động kinh doanh

$$\begin{matrix} \text{Kết quả hoạt} & = & \text{Doanh thu} & - & \text{Giá vốn} & - & \text{Chi phí} & - & \text{Chi phí quản} \\ \text{động bán hàng} & & \text{thuần bán} & & \text{hàng bán} & & \text{bán hàng} & & \text{lí doanh} \\ & & \text{hàng} & & & & & & \text{nh nghiệp} \end{matrix}$$

- Kết quả hoạt động khác

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- Kết quả hoạt động tài chính

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

Kết chuyển doanh thu tháng 12 năm 2010

❖ Kết chuyển doanh thu

- ✓ Kết chuyển doanh thu bán hàng:

Nợ TK511: 6.263.802.058

Có TK 911: 6.263.802.058

- ✓ Kết chuyển doanh thu tài chính :

Nợ TK 515: 5.013.343

Có TK 911: 5.013.343

❖ **Kết chuyển chi phí**

✓ Kết chuyển chi phí tài chính

Nợ TK 911: 49.557.851

Có TK635: 49.557.851

✓ Kết chuyển giá vốn hàng bán

Nợ TK 911: 5.898.125.347

Có TK632: 5.898.125.347

✓ Kết chuyển chi phí bán hàng

Nợ TK 911: 131.008.706

Có TK 641: 131.008.706

✓ Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp

Nợ TK 911: 154.654.406

Có TK 642: 154.654.406

✓ Kết chuyển chi phí khác

Nợ TK 911 :85.000

Có TK 811 : 85.000

Kết quả tiêu thụ = Doanh thu – Chi phí**= 6.268.815.401- 6.233.431.310****=35.384.091**

✓ Thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp (25%)

Nợ TK 821: 8.846.023

Có TK 3334: 8.846.023

✓ Kết chuyển chi phí thuế TNDN

Nợ TK 911: 8.846.023

Có TK 821 : 8.846.023

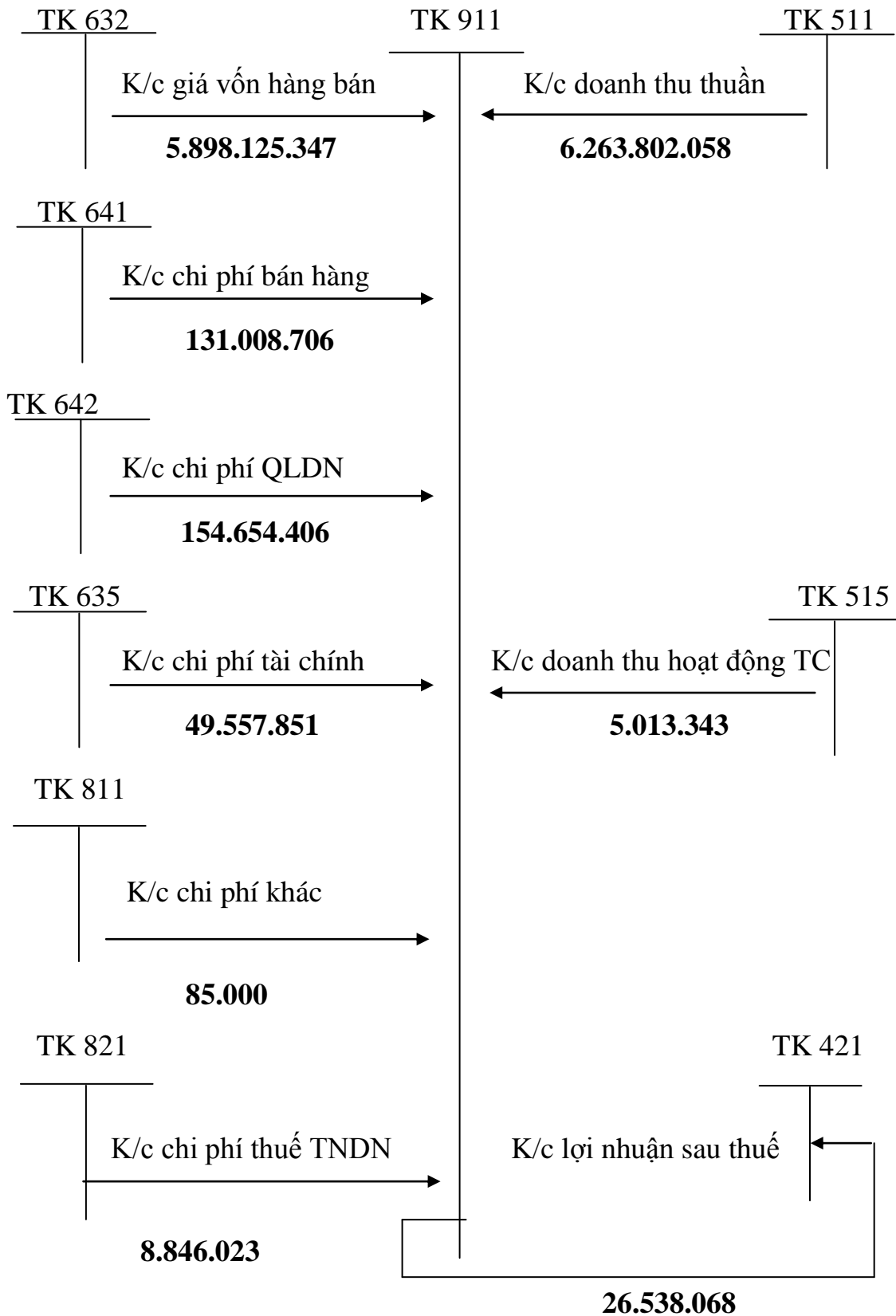
✓ Kết chuyển lợi nhuận sau thuế

Nợ TK 911: 26.538.068

Có TK 421 : 26.538.000

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH THÁNG

12/2010



Biểu số 25 :

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường – Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định	Mẫu số S03b- DN Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
---	--

SỔ CÁI**Năm 2010****Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh****Số hiệu :911****Đơn vị tính : đồng**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ U	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	C ó
			Số dư đầu năm			
					
			Số phát sinh trong tháng 12			
					
			Kết chuyển doanh thu, chi phí			
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		6.263.802.058
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	515		5.013.343
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	5.898.125.347	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	131.008.706	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	154.654.406	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển tài chính	635	49.557.851	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	85.000	
31/12	KC	31/12	Chi phí thuế TNDN	821	8.846.023	

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

31/12	KC	31/12	Kết chuyển lại	421	26.538.068	
			Cộng phát sinh tháng 12		6.268.815.401	6.268.815.401
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 26 :

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường –Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định	Mẫu số S03b- DN Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
--	--

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu : 421

Đơn vị tính : đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Số phát sinh trong tháng 12			
					
31/12	KC	31/12	Kết chuyển lãi tháng 12	911		26.538.068
					
			Cộng phát sinh tháng 12		26.538.068	26.538.068
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 27:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường – Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định	Mẫu số B 02 - DN Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
--	--

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(trích tháng 12 năm 2010)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	6.263.802.058
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	6.263.802.058
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	5.898.125.347
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		365.676.711
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	5.013.343
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	49.557.851
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.557.851
8. Chi phí bán hàng	24		131.008.706
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		154.654.406
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinhdoanh{30=20+(21-22)-	30		35.469.091

(24+25)}			
11. Thu nhập khác	31		-
12. Chi phí khác	32		85.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(85.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		35.384.091
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	8.846.023
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		26.538.068
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 28:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH Tổ 16- Thị trấn Xuân Trường – Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định	Mẫu số B 02- DN Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
--	---

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	148.193.055.838	130.454.418.346
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	148.193.055.838	130.454.418.346
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	141.669.362.498	125.674.315.426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.523.423.340	4.780.102.920
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	42.190.217	1.743.133.114
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	2.994.694.086	4.622.744.191
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.994.694.086	4.160.012.191
8. Chi phí bán hàng	24		1.573.240.657	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.855.853.882	3.113.781.946
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinhdoanh{ 30=20+(21-22)-(24+25)}	30		141.824.932	1.213.290.103
11. Thu nhập khác	31		406.705.515	1.667.548.299
12. Chi phí khác	32		36.124.176	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		370.581.339	1.667.548.299
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		512.406.271	454.258.196
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	128.101.568	127.192.295
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		384.304.703	327.065.901
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

**PHẦN 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN
CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG VINH**

**3.1 NHỮNG NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ
PHẦN HOÀNG VINH.**

3.1.1 Đánh giá về tình hình tổ chức công tác kế toán tại Công ty.

Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Mặc dù vậy với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của ban giám đốc công ty, sự năng động, sáng tạo nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm. Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua một thời gian tìm hiểu gần và tiếp cận với thực tế công tác quản lý, công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự quan tâm giúp đỡ tận tình của Ban lãnh đạo công ty, các cô chú anh chị trong phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em nghiên cứu, làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học ở nhà trường và liên hệ thực tiễn công tác kế toán trong tương lai. Tuy tìm hiểu về thực tiễn chưa lâu cũng như chưa có nhiều thời gian để tìm hiểu kỹ hơn công tác kế toán của công ty. Nhưng qua bài luận này em xin mạnh dạn trình bày một số ý kiến nhận xét về một số kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty. Em hy vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ bé để công tác kế toán của công ty ngày càng hoàn thiện

3.1.2 Ưu điểm :

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đơn đốc thu hồi công nợ và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty rất nhiều vì vậy nên lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ mang một ý nghĩa rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp. Công ty cũng đã trang bị cho phòng kế toán hiện đại, công việc kế toán được vi tính hoá. Các phần hành kế toán được bố trí , sắp xếp khoa học, hợp lý tạo điều kiện cho các bộ phận phối hợp với nhau để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách nhanh chóng, cung cấp được thông tin kế toán phục vụ cho yêu cầu quản lý của công ty

- Về chứng từ kế toán: Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu bán hàng, mua hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống, tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước.

- Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “Nhật ký chung” đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và qui mô của công ty giúp cho việc kiểm soát

thông tin đảm bảo yêu cầu cung cấp kịp thời

- Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu: Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng. Công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học, hợp lý giúp cho việc hạch toán quá trình bán hàng được sắp xếp, phân loại, bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán. Các trường hợp đáng tiếc như mất chứng từ gốc không xảy ra vì mọi chứng từ đã được nhập vào máy vi tính để bảo quản

- Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: Việc hạch toán doanh thu giá về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ, phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai tính thuế GTGT do doanh nghiệp quy định

3.1.3. Nhược điểm :

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

- **Tồn tại 1: Về việc luân chuyển chứng từ:** Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc lập biểu xuất kho ở công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định. Hơn nữa, việc tập hợp, luân chuyển chứng từ do không có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng chứng từ bị chậm chễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý dẫn đến kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng về một lúc

- **Tồn tại 2 : Về hệ thống sổ kế toán :** Việc sử dụng mẫu sổ kế toán chưa đúng, chưa đủ so với quy định chung của Bộ tài chính (QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC). Cụ thể là số cái tài khoản, sổ nhật ký chung chưa đủ so với quy định của bộ tài chính.

- Kế toán không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán).Mục đích hai loại sổ này giúp cho kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như công nợ của công ty đối với nhà cung cấp. Điều này cũng giúp cho ban lãnh đạo công ty dễ dàng nắm bắt được tình hình nợ phải thu hoặc phải trả của công ty như thế nào để từ đó đề ra chính sách, các giải pháp phù hợp kịp thời

- Tồn tại 3 : Về phương thức hạch toán kế toán

Hiện nay công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán, tuy nhiên hệ thống sổ sách và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào mà mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Excel, Word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghiệp phát triển, hầu hết các doanh nghiệp đang phấn đấu công nghiệp hóa hiện đại hóa mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ máy tính vào tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Do vậy, công ty có sử dụng máy tính nhưng không tận dụng được hết sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng máy tính vào công tác kế toán .

- Tồn tại 4 :Chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm:

Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn rất lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tôn tại 5 : Về phương thức tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm:

Trên thực tế có nhiều phương thức tiêu thụ giúp cho doanh nghiệp có thể đáp ứng nhu cầu và tạo sự hài lòng cho khách hàng khi mua hàng. Tại công ty cổ phần Hoàng Vinh thì có 2 phương thức bán hàng đó là bán hàng tại kho và bán hàng tại công ty, nhưng công ty không sử dụng phương pháp bán hàng gửi đại lý điều này đã làm giảm đáng kể số lượng khách hàng, gây ảnh hưởng không nhỏ tới khả năng khuếch trương sản phẩm tới khách hàng.

3.1.4 Nguyên nhân của thực trạng

- Đất nước mới chuyển sang cơ chế thị trường vì vậy nền kinh tế còn kém phát triển .

- Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, không mang tính chất bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, quá trình xử lý vi phạm chưa nghiêm.

- về phía tổ chức nghề nghiệp : hoạt động mang tính chất hình thức chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Yêu cầu kiểm tra công tác kế toán tại công ty chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ.

- Trình độ kế toán còn hạn chế, chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng

- Tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán chưa cao.

3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hoàng Vinh

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân

sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoàng Vinh

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết

quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định

được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.3 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc thống nhất
- + Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở
- + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh
- + Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán
- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán. Đặc biệt chú ý đến công tác trang bị phương tiện kỹ thuật, áp dụng kế toán máy trong thu thập xử lý các nghiệp vụ kinh tế
- Tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hoàng Vinh

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán Công ty. Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững

tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, tôi nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại

Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại Công ty từ kho hay chi nhánh sang phòng tài vụ để xử lý chứng từ chậm chễ gây rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc tính giá thành thành phẩm, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy, Công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ kịp thời. Chẳng hạn, có thể quy định đến ngày nhất định, các phòng ban, kho...phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó vào máy một cách cập nhật nhất

Kiến nghị 2 : Về trình tự ghi sổ kế toán

Công ty nên sửa lại mẫu sổ cái tài khoản và sổ nhật ký chung theo quyết định 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

Công ty nên mở sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán), bảng tổng hợp thanh toán với người mua(người bán), sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ , sản phẩm hàng hoá và bảng tổng hợp chi tiết vật liệu,dụng cụ, sản phẩm,hàng hoá theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

Sau đây là mẫu sổ của Bộ tài chính :

Đơn vị :..... Địa chỉ :.....	Mẫu số S03a- DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính
---------------------------------	--

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

NĂM 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Trang số	STT dòng	Đã ghi sổ cái	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng						Nợ	Có
								
			Cộng số phát sinh						

Ngàythángnăm

Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập biểu (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ t ên)
--------------------------------	----------------------------------	-----------------------------

Đơn vị :.....	Mẫu số S03a- DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính
Địa chỉ :.....	

SỔ CÁI

NĂM:.....

Tên tài khoản :.....

Số hiệu :.....

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Nhật Ký chung		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Trang số	STT dòng	Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong tháng					
			Cộng số phát sinh trong tháng					
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kế từ đầu tháng					

Ngàythángnăm

Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập biểu (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)
--------------------------------	----------------------------------	----------------------------

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Đối tượng:

Tài khoản :

Tên tài khoản :

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Ngày, tháng	SH			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ					
		Số phát sinh trong kỳ					
						
						
		Cộng số phát sinh					
		Số dư cuối kỳ					

Ngàythángnăm

Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập biểu (ký, họ tên)	Giám đốc (k ý, họ t ên)
--------------------------------	----------------------------------	------------------------------

Đơn vị :.....	Mẫu số S32- DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính
Địa chỉ :.....	

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Số hiệu tài khoản :

Năm :.....

STT	Tên công ty	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	Cộng						

Ngàythángnăm

Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập biểu (ký, họ tên)	Giám đốc (k ý, họ t ên)
--------------------------------	----------------------------------	------------------------------

Đơn vị :.....	Mẫu số S10- DN
Địa chỉ :.....	Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tài khoản :

Tên kho:

Tên quy cách :.....

Đơn vị tính:.....

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số tồn đầu kỳ								
									
									
		Cộng trong tháng								

Ngàythángnăm

Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập biểu (ký, họ tên)	Giám đốc (k ý, họ t ên)
--------------------------------	----------------------------------	------------------------------

Đơn vị :.....	Mẫu số S11 - DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính
Địa chỉ :.....	

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tháng.....năm

Đơn vị tính:

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
	Tổng cộng				

Ngàythángnăm

Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập biểu (ký, họ tên)	Giám đốc (k ý, họ t ên)
--------------------------------	----------------------------------	------------------------------

Kiến nghị 3 : Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán :

Để góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khối lượng công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhằm chán mệt mỏi để họ dành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo cho quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy móc có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó làm giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hoá của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ, các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán, Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

Kiến nghị 4: Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán

* Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương

ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

* Phương pháp kê toán TK 532 “Giảm giá hàng bán”

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán phản ánh:

Nợ TK 532 - Số tiền giảm giá cho hàng bán

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp theo số tiền giảm giá

Có TK 111,112,131 - Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ hạch toán kết chuyển giảm giá hàng bán để điều chỉnh giảm doanh thu:

Nợ TK 511 - Giảm giá hàng bán

Có TK 532 - Kết chuyển giảm giá hàng bán

Với các biện pháp khuyến mãi này có thể công ty không thể giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ

Kiến nghị 5: Về phương pháp tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Tại công ty các sản phẩm kim khí đều được nhập kho trước khi bán tức là trước khi đem bán phải thông qua kho. Hơn nữa sản phẩm kim khí là sản phẩm có thời gian sử dụng tương đối lâu, không khát khe trong bảo quản, chính vì đặc tính đó mà việc bán hàng qua kho một mặt giúp theo dõi, kiểm tra sản phẩm thuận tiện và tránh sự thiếu hụt khi kiểm kê nhưng đồng thời cũng gây cản trở phần nào đến tốc độ tiêu thụ, làm bỏ lỡ nhiều cơ hội đưa sản phẩm tới khách hàng. Bởi vậy công ty nên bổ sung phương thức tiêu thụ xuất bán thẳng không qua kho

Bên cạnh phương thức này công ty nên mở rộng thị trường trên toàn quốc để tạo ra hệ thống tiêu thụ rộng lớn, tạo điều kiện giới thiệu và bán sản phẩm tới khách hàng một cách nhanh chóng và thuận lợi nhất

3.2.5 Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần Hoàng Vinh

Những năm qua mặc dù thị trường thép có sự biến động mạnh (do sự tranh chấp TM giữa các nước lớn) đã tác động không nhỏ đến thị trường thép trong nước nói chung và Công ty cổ phần Hoàng Vinh nói riêng. Nhưng bằng nỗ lực nhạy bén kinh doanh của ban lãnh đạo Công ty luôn đứng vững và không ngừng mở rộng quy mô hoạt động và quy mô vốn.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty tăng dần, Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm sau đều cao hơn năm trước. Tuy nhiên để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh dựa vào nguồn lực sẵn có và khắc phục được nhược điểm của Công ty trong những năm qua công ty cần thực hiện các biện pháp:

- Tích cực tìm hiểu, mở rộng thị trường trong nước, duy trì và ổn định thị trường truyền thống
- Quản lý và sử dụng triệt để TSCĐ, sử dụng tiết kiệm các chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, giá vốn hàng bán để giảm giá thành tăng lợi nhuận cao hơn cho công ty
- Giảm chi phí lãi vay: Chi phí lãi vay là số tiền phải trả lãi cho việc sử dụng vốn huy động vốn. Bất kỳ một doanh nghiệp nào tiến hành sản xuất kinh doanh đều cần đến vốn và phải huy động thêm vốn. Doanh nghiệp phải tính toán huy động bằng hình thức nào sao cho chi phí trả lãi vay là thấp nhất
- Giảm chi phí quản lý: Tiến hành sắp xếp bộ máy quản lý gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả sẽ góp phần làm giảm chi phí quản lý. Giảm các chi phí tiếp khách hội họp.

Trong cơ chế quản lý mới, hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng, một công cụ quản lý tài chính, tích cực trong điều hành, kiểm soát hoạt động kinh tế. Đặc biệt trong cơ chế thị trường, sự cạnh tranh đang trở nên quyết liệt, do

vậy nắm bắt thông tin kinh tế nhanh chóng, kịp thời, chính xác là chìa khoá mang đến sự thành công cho mỗi doanh nghiệp. Để có được điều đó thì bộ máy kinh tế của đơn vị phải được tổ chức và hoạt động có hiệu quả.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư

Khoá luận: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hoàng Vinh ” đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán doanh thu, kế toán chi phí cho hàng bán ra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Về mặt thực tế: Đã nêu được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí cho hàng bán ra, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Hoàng Vinh năm 2010

- Về kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở Công ty, từ thực tế nắm bắt được, đối chiếu với lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của cô chú cán bộ Công ty cổ phần Hoàng Vinh , của các thầy cô và của thầy giáo hướng dẫn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Khánh Hòa

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp

Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán

Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

2. Giáo trình nguyên lý kế toán- ***Nhà xuất bản thống kê***

3. Giáo trình tài chính doanh nghiệp- ***PGS. TS Nguyễn Đình Kiệt, TS Nguyễn Đăng Nam- Nhà xuất bản tài chính Hà Nội, 2003***

4. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính- ***PGS. TS Nguyễn Công Văn- Nhà xuất bản tài chính, 2004***

5. Các khoá luận năm trước

6. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại công ty Cổ phần Hoàng Vinh năm 2009-2010

7. Website : www.Google.com

